BnF Gallica

Bai giang vê mui hai iêu Kinh Tin Kính

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

BnF Gallica

. Bai giang vê mui hai iêu Kinh Tin Kính. 1935.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

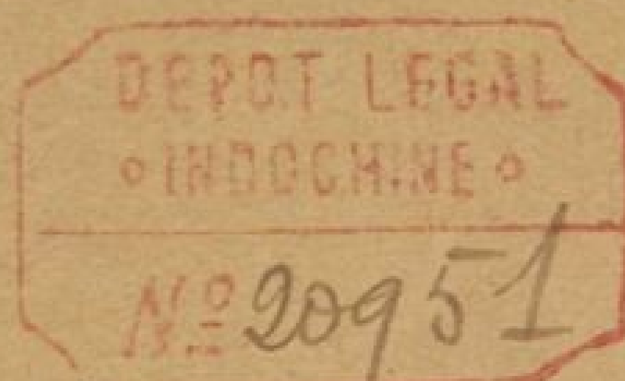
5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter
utilisation.commerciale@bnf.fr.

16°
Indoch
42

BÀI GIẢNG



về

mười hai điều

KINH TIN KÍNH



IMPRIMERIE DE QUINHON

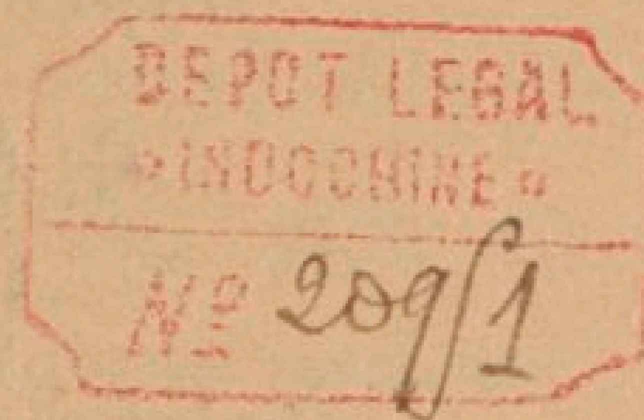
QUINHON — (*Annam*)



Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

BÀI GIẢNG

VỀ MƯỜI HAI ĐIỀU
KINH TIN KÍNH



IMPRIMERIE DE QUINHON

QUINHON — (*Annam*)

16° Indoch.
42

Imprimatur

✠ A. Tardieu

Vic. Apost.

Quinhon, die 31 Julii 1935



TỰA

Sách nầy gồm 12 bài giảng, cắt nghĩa 12 điều Kinh Tin Kính. *Tôi đã dọn mà dạy lẽ đạo cho con chiên tôi. Tiếng nói đơn-sơ tầm-thường; có người thông thạo tiếng Annam coi sửa cho trúng cách xuôi câu.*

Nay nghĩ đương đời biến loạn có người Phản-giáo mượn tiếng « tin lành » mà gieo cỏ lùng vào ruộng lúa Hội-thánh, nên tôi mới đem ra mà xuất bản. — Trông giáo nhơn ai nấy nhờ sách tóm tắt rõ ràng nầy mà coi đi coi lại cho thông thuộc lẽ đạo, cho khỏi bị người lừa dối. Trông cho các kẻ dạy bao-đồng chầu-nhưng được nhờ sách mọn nầy mà giảng cho trẻ con cùng người mới học đạo đành rành những đều cần kíp. Sau hết trông sách nhỏ nầy cũng sinh phần ích cho các đấng trong muôn một, để nhắc nhở con chiên cho được thêm biết đều chơn thật phải tin.



BÀI GIẢNG

VỀ MƯỜI HAI ĐIỀU KINH TIN KÍNH



Giảng về phải ra sức cho biết lẽ đạo

Kẻ có đạo phải ham hố cho biết lẽ đạo, thì mới giữ đạo đặng. Có đạo mà chẳng giữ lẽ đạo dạy, thì cũng như người không có đạo, hay là giữ đạo mà không biết lẽ đạo, thì biết đâu mà giữ ? — Ai làm việc gì, thì phải thuộc biết việc ấy, mới làm đặng. Công việc phần xác, người ta còn ra sức học tập cho biết mà làm, cho đặng nhờ ính lợi, dầu phải nặng nề, mệt khổ, tốn của tốn công lâu ngày, thì cũng ra sức cho thuộc biết. Có kẻ học đôi ba năm mới đặng một nghề. Có người học đôi ba mươi năm cho đặng chức đặng danh, để mà nhờ. Việc xác là việc hay qua, năm mươi năm, bảy mươi năm, rồi thì phải hết, phải bỏ, mà người ta còn ra sức học tập. Mà việc giữ đạo là việc nhứt, việc trọng ; vì chết rồi, thì phải có đời sau, là đời vô cùng : một là đặng thưởng đời đời, hai là phải phạt vô cùng. Hai đều ấy mỗi người phải có một, chẳng ai

không. Việc trọng, việc bền dai làm vậy, thì chẳng đáng lo, chẳng đáng sợ lắm sao? chẳng đáng học tập cho biết mà giữ cho khỏi phạt cùng đặng thưởng sao?

Vã lại việc phần xác là việc con mắt ngó thấy, mà còn phải có sách có thầy mới làm đặng. Mà việc linh hồn là việc thiêng liêng không thấy ; mà không sách, không thầy, không học tập, thì làm ngỗ nào cho nên đặng? Mà nếu làm chẳng nên, thì trốn đâu cho khỏi phạt? chạy đâu cho tới phước? Kẻ giữ đạo vô sư, vô sách, không biết đâu là phước, không biết đâu là tội, thật là kẻ vô phước : vì nó không theo đèn đuốc, một lần lần theo đàng tối tăm, mà khi đã cùng đàng, thì té xuống hoả ngục. — Chúa phán rằng : « Nó chẳng sinh ra ở đời thì có phước hơn. » — Ta lại nói rằng, sinh ra làm chi mà chẳng lo thân, đề cho mình phải phạt đời đời? Đặng các việc đời nầy : của cải, quờn chức, xinh tốt, sống lâu, chữ nghĩa, mà mất việc đời sau thì có ích gì? Vì việc đời nầy là việc phải hết, mà việc đời sau là việc vô cùng. Sách thánh rằng : « Các giống mầy đã sắm ở đời nầy, đến sau là của ai mầy có biết chăng »? Ấy vậy lo cho biết những đều phải tin, những lẽ

phải giữ trong đạo, mà thờ Chúa cho nên, cho sau đặng phước đời đời, là việc chính phải lo, vì là việc bền dai, đặng hưởng nhờ chẳng hay hết. Chúa sinh ta ở đời, là có ý cho ta giữ đạo cho nên, cho ngày sau đặng về cùng Chúa mà thôi. Còn các việc đời nầy là việc thêm, việc giúp phần xác cho đặng lo phần linh hồn.

Vã lại các lẽ trong đạo, thì nhiều lắm, các đấng thượng trí học lâu năm cũng chẳng hết, mà các giáo hữu thì Chúa chẳng buộc học rộng, xét nhiều như vậy. Chúa buộc các giáo hữu học những đều chính phải tin, những lẽ thường phải giữ trong bổn phận mình mà thôi. Mà những đều như vậy chẳng phải là khó quá, hay là nhiều lắm mà sợ ; vì buộc mỗi người phải học, phải biết, phải giữ theo sức mình mà thôi. Mà cũng chẳng ai học thế, giữ thế cho ai đặng, cũng chẳng ai định lý làm sách, làm thầy cho mình đặng. Có một kẻ đã học cùng Hội Thánh, là các đấng linh mục là chính kẻ Hội-thánh sai giảng dạy lẽ đạo cho các giáo hữu mà thôi.

Lập trường cho các giáo hữu đến học lẽ đạo, thì là việc chẳng tiện ; cho nên các giáo hữu phải siêng năng đến nhà thờ đọc kinh, xem

lễ, nghe giảng, nghe đọc sách, cho thuộc biết những đều phải tin, những lẽ phải giữ cho phần mình. Ai nấy phải năng đi nhà thờ. Hôm nay biết đặng một đều, bữa khác biết thêm đặng đôi ba đều. Thay đổi nhau mà đi, người nầy nghe đặng, biết đặng, thì người khác cũng nghe cũng biết đặng, và lần lần mỗi người cũng thấm đặng, biết đặng đều phải tin, đều phải giữ, mà lo sắm đặng phước đời sau cho mình.

Đến nhà thờ một giờ, nửa giờ, cũng chẳng phải là mệt, là sút thân xác, hay là phải thiệt hại lắm đâu. Công ấy Chúa chẳng bỏ qua, Chúa lòng lành sẽ trả cho ta, hoặc đời nầy, hay là đời sau, vì ta có lòng ham hố cho biết đàng thờ Chúa.

Ta lại khuyên riêng ai nấy năng đến nhà thờ đọc kinh xem lễ : phải đi cho bền, vì việc đó đẹp lòng Chúa, và đặng ơn Chúa lắm. Nhà thờ là nơi Chúa ngự riêng, để cho người ta kính thờ cầu xin ; mà đến đó nhiều người hiệp làm một cùng nhau, thì lại đặng thông nhờ công nghiệp cùng nhau trước mặt Chúa. Đ. C. Giêsu phán rằng : « Khi nào đôi ba người trong chúng con hiệp một cùng nhau mà kêu tên Ta, thì Ta ở giữa chúng con ».

Chúa giàu có, rộng rãi, chẳng tiếc ơn phần hồn, phần xác cùng những kẻ hiệp nhau trước toà Chúa ngự. Việc đọc kinh ở nhà mình là việc cực chẳng đã, vì nhà mình là nơi chẳng xứng đáng, cũng chẳng có sự thông công cùng ai. Hãy năng đến nhà Chúa ngự, mà hiệp nhau cho đặng nhờ đời nầy, cho đời sau đặng đến nước Chúa ngự, hiệp nhau mà hưởng đời.

Giảng cho biết Kinh Tin Kính là Kính trọng.

Căn bổn đạo Đ. C. T. tóm lại trong hai kinh vắn vắn, các bổn đạo, mọi người đều thuộc : là kinh Tin kính và mười điều răn. Phần thưởng, phần phạt mọi người đều ở trong hai kinh ấy. Thiên đàng, hoả ngục cho cả loài người ta cũng đều gồm lại trong đó. Kinh mười điều răn dạy những đều phải giữ ; kinh Tin kính dạy những lẽ phải tin. Song tin là việc phải có trước, vì chẳng tin thì giữ chẳng đặng. Vã lại tin là việc ở trong lòng, mà nếu chẳng bày giải gốc tích sự lý những đều dạy tin cho minh bạch, thì lòng tin sao đặng ? Bởi đó mọi người phải thuộc kinh Tin kinh và phải biết kinh ấy là kinh trọng lắm,

là kinh bởi trời đem xuống, dạy những điều phải tin, cho đặng lên trời. Vì các thánh tông-đồ đã học bởi Đ. C. T. T. soi dạy, cùng đã hiệp nhau mà đặt kinh ấy, để cho các bổn đạo khắp thế gian, già, trẻ, nam, nữ, tối, sáng đều thuộc đặng, và tin đặng một khuôn rập như nhau cho khỏi sai lạc.

Kinh Tin kính là luật chung buộc mọi người phải tin các đều Chúa truyền dạy. Dầu mà kẻ mới vào đạo, thì đã buộc vào luật tin nầy, trước khi chưa thành người có đạo và nên con Đ. C. T. Vì khi gần chịu phép rửa tội, thì buộc phải hỏi từ đều trong kinh nầy rằng: Có tin.... chăng? có tin.... chăng? và buộc phải thưa lại từ đều rằng : tôi tin, tôi tin. Ấy là xưng ra mà khấn hứa trước mặt Chúa, dầu phải lao đao, dầu phải chết vì việc giữ đức tin, thì trọn đời cũng giữ một lòng tin luôn các đều trong kinh nầy.

Kinh nầy là kinh phải đọc hằng ngày cho có ý tứ, mà xưng ra trước mặt Chúa, lòng mình tin vững vàng các đều trong kinh dạy, cho đặng làm việc đức-tin, vì Hội-thánh dạy các bổn đạo phải làm việc đức-tin.

Kinh nầy là kinh Đ. C. T. ba Ngôi đã ưng truyền cho loài người ta giữ cho đặng

phước thiên đàng. Những kẻ đã đặng hưởng phước thiên đàng, thì đều đã tin giữ kinh nầy, khi còn ở thế gian.

Người ta đọc kinh nầy ở thế, thì các thánh Thiên thần, các thánh nam nữ trên trời đều ưng vui, cùng chịu các lẽ người ta xưng ra là lẽ chơn thật.

Kinh nầy khi đọc, thì đặng phần thông công cùng các kẻ tin thờ Chúa ở khắp thế gian.

Kinh nầy có sức làm cho đặng lòng vững vàng, và trông cậy ngày sau đi tới nước Chúa.

Kinh nầy có sức trừ đặng tình tư dục và phá đặng chước ma quỉ khuấy hại, dối phỉnh.

Kinh nầy không chịu đọc ngoài miệng, mà trong lòng không đọc, nghĩa là miệng đọc mà lòng không tin, không kính, không hiểu các lời mình đọc. Vì Hội-thánh không có ý truyền dạy kinh nầy cho bổn đạo đọc lấy tiếng, song phải đọc lấy lòng thành kính, tin, hiểu.

Con nhà có đạo từ ngày mới sinh ra cho đến chết, thì đều có kinh Tin kính dầm thấm vào mình. Ngày mới sinh ra chịu phép rửa tội, thì đã đem kinh Tin kính vào mình. Khi đã khôn lớn, thì thuộc, hiểu, tin, vưng, kính các đều kinh ấy dạy.

Đến ngày gần chết, thì lại phải giữ kinh ấy nhặt lắm, vì đức tin là neo thần mực thánh, gìn giữ, chỉ đàng cho linh hồn tới quê thật thiên đàng.

Bởi đó các bổn đạo trong các nước thế gian đều có kinh Tin kính, và tin vưng một thể như nhau hết thảy.

Kinh Tin kính là bổn chính chỉ dẫn cho khỏi lạc đàng lên thiên đàng. Kinh nầy cũng như thuẫn đỡ linh hồn cho khỏi tên ma qui bắn giết. Kinh Tin kính là như thẻ riêng kẻ có đạo phải mang trong mình khi còn ở thế, cho đặng phân biệt con Đ. C. T. với con ma qui. Kinh ấy là đơn bằng chắc chắn cho ngày sau linh hồn phấn phát lước vào cửa thiên đàng.

Trong kinh Tin kính có mười hai đều dạy phải tin. Mà trong bài giảng nầy là giảng cho biết kinh Tin kính là kinh trọng, và bây giờ cắt nghĩa trước ba chữ nầy : *tôi, tin, kính,* cho ai nấy rõ biết cách dùng kinh ấy cho nên. Còn mười hai đều tin, thì ta sẽ giảng từ điều trong bổn nầy.

I· — Nói rằng : tôi tin, mà chẳng nói rằng : chúng tôi tin. Vì chúng tôi là tiếng chỉ nhiều người xưng chung. Mình tin, mà sự tin là ở trong lòng, chẳng ai biết đặng lòng ai tin thật.

Nếu hiệp nhau mà xưng chung rằng : chúng tôi tin, ắt là lời dối phỉnh. Cho nên phải nói rằng : tôi tin, vì lòng ai tin thì miệng nấy xưng ra, chẳng ai trà trộn, gởi lơi, bạ tiếng bề ngoài đặng. Cũng chẳng ai chắc đặng lòng ai tin, mà xưng thế, tin thế cho ai đặng.

II· — Nói rằng : tin. Chữ tin nghĩa là lòng lấy các đều trong kinh Tin kính làm thật, dầu mắt không thấy các đều ấy, thì lòng cũng tin thật các đều ấy có như vậy. Vì Chúa chơn thật đã truyền dạy các đều ấy, thì đã đủ mà lấy làm chắc. Vã lại sự tin có nhiều khi mắt không thấy, mà lòng cũng tin đặng. Giả như, kẻ hậu sinh chưa hề thấy ông bà mình đã khuất mặt. Mà có chối đặng mình không có ông bà, vì chẳng thấy mặt chăng ? Giả như, vua ra chỉ rằng : kỳ nầy đại xá tù đồ cả thảy. Mà có ai trong tù chẳng tin, cùng chẳng chịu ra khỏi ngục, vì không thấy vua phán cùng mình chăng ?

III· — Nói rằng : tôi tin kính Đ. C. T. — Vì tin có Đ. C. T. thì chưa đủ, song phải tin có Đ. C. T. và lòng phải kính thờ Đ. C. T., thì mới gọi là đức tin, vì ma quỉ cũng tin có Chúa, mà chẳng kính thờ Chúa, cho nên phải phạt đời đời.

Vã lại sự tin kẻ có đạo, Hội-thánh gọi là đức tin, vì tin mà lòng kính thờ, cùng ra sức làm các việc đấng mình tin dạy lâm, thật là việc công lao, là việc nhơn đức. Ngày sau đặng phước thưởng công vô cùng.

Xin Chúa ba Ngôi xuống ơn giúp các giáo hữu đặng lòng ái mộ nghe, hiểu, thuộc, nhớ, tin, vưng các điều trong kinh Tin kính cho nên, hầu sau đặng hiệp làm một cùng các kẻ tin ở chốn bằng an vinh hiển đời đời.

GIẢNG

MƯỜI HAI ĐIỀU KINH TIN KÍNH

ĐIỀU THỨ NHỨT

Kinh Tin kính rằng : *Tôi tin kính Đ. C. T. là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất.*

Điều thứ nhứt nầy giảng về Đ. C. T. là đấng dựng nên trời đất.

Việc tạo hoá càn khôn, là việc thái quá, phải có đấng chí linh thượng cực, thì mới làm đặng. Cho nên trước hết phải giải chỉ cho biết có đấng tạo hóa chí linh là Đ. C. T. thì mới tin đặng Đ. C. T. đã dựng nên trời đất.

Hãy ngửa mặt xem lên : kìa trời cao lộng lộng, hằng che phủ vững bền.

Mặt trời sáng nóng, rọi xuống khắp nơi ban ngày. Mặt trăng tỏ rõ soi thấu ban đêm. Các ngôi sao vô số hiện bày rực rỡ, chia phân hàng ngũ.

Hãy trở mặt xem tới. Kìa đất rộng mù mù, hằng chở nuôi vững chắc, núi biển muôn vật trỗ sinh liên tiếp.

Trời đất cao rộng cực kỳ thể ấy, là chứng chắc có đấng phép tắc vô cùng đã dựng nên, mới có đặng, vì trời đất là giống vô tâm trí,

không có phép tắc, cũng chẳng có sức mạnh mà tự lập đặng.

Cũng chẳng phải trời đất bởi không mà có đặng. Bởi có mà ra không, thì là hiệp lý. Song bởi không mà có, là đều phi lý. Nào có vật gì bởi không mà có đặng ? Dầu vật nhỏ hèn, thì đều có căn bổn mới có ra đặng. Như sợi tóc, như cái kim, cái rác cũng chẳng bởi không mà có đặng. Phương chi trời đất, cơ hội dường ấy, mà không có đấng nào phép tắc sinh dựng ? Mà đấng phép tắc ấy, thì ta gọi là Đ. C. T.

Đấng làm người biết luận lý, tua khá nghiệm xét đều nầy nữa : hãy xem muôn loài muôn vật dưới đất nầy, khéo léo, khuông rập thì biết có Đ. C. T.. Kìa muôn loài, muôn vật trong thế gian nầy, đều có tư thể lạ lùng. Các giống cây, cỏ, đều có sắc riêng ; dầu một giống chim nhỏ hèn, thì cũng có tia vẻ thế thần : mỏ, miệng, đầu, đuôi, chơn, móng, nương đỡ ý tứ, lông cánh thuận xuôi, êm gió. Trắng, đen, xám, đỏ, điềm vẻ xứng đối, tươi màu. Muôn vật khéo lạ thể ấy, ai sinh ra mà có đặng ? Nếu nói rằng : nòi nó sinh ra, thì ta lại hỏi rằng : ai sinh nòi nó đầu hết cho có nòi thể ấy mà nối sinh như vậy ?

Lại hãy coi muôn vật đều giữ khuông rập riêng, chẳng hề sai hủ. Kia nòi nào, sắc nào, tánh nào, thì còn như vậy luôn trong thế gian. Chẳng khi nào giống cây lá tròn, sắc xanh, trái ngọt, mà sinh ra cây lá vuông, sắc tím, trái cay bao giờ. Chưa hề thấy gà sinh thỏ, thỏ sinh rắn, hay là rắn có cánh hay bay, hay liệng bao giờ. Chưa hề thấy lửa có tánh lạnh mát, mà nước đốt và tiêu vật đặng bao giờ.

Lại mỗi loài đều ưa hạp nòi mình, cùng thương mến giống bởi mình mà sinh ra, chẳng đành dứt bỏ. Thật là muôn vật muôn loài cả nhiều bội số, mà mỗi loài mỗi vật đều khéo léo mực thước chẳng sai.

Ai mà đứng làm đại công trong muôn vật như vậy ? Ai mà gìn giữ khuông rập trong muôn vật cho bền vững chẳng sai như vậy ? Ai làm cho có trời che đất chở cùng gìn giữ cho khỏi day động như vậy ? Ai làm cho có ngày đêm, mưa gió, cùng gìn giữ thì tiết điều hoà như vậy ?

Hoặc nói rằng : trời đất là bởi tình cờ mà có. Đều ấy là phi lý, vì chẳng có sự gì là tình cờ thật. Nếu có sự tình cờ, thì tình cờ cho kẻ chẳng biết trước gốc tích sự ấy mà thôi. Vốn mọi sự đều có căn bổn hết, chẳng có sự gì bởi

không, hay là bởi tình cờ mà có đặng. Dầu một vật hèn ngó thấy, thì cũng phải tin chắc là của ai đã làm. Giả như ngó thấy áo rách bỏ giữa đàng, thì cũng phải tin chắc là áo ai đã may, cùng đã bỏ đó, chẳng phải áo bởi không, hay là bởi tình cờ mà hiện ra. Phương chi trời đất muôn vật dường ấy, mà chẳng có ai đã dựng làm, cùng gìn giữ cho còn như vậy sao đặng?

Khổng-Tử nói rằng: khí thái-cực sinh trời đất. Khổng-Tử thật là phi lý, vì thái cực là khí cả, mà khí là giống vô tâm trí, mà sinh muôn vật khéo léo tri huệ dường ấy sao đặng? khí là giống tiêu tan, mà sinh trời đất bền chặc như vậy sao đặng?

Vậy thì quả thật trời đất muôn vật là chứng chắc, phải có một đấng sanh thành bảo dưỡng. Mà đấng sanh thành ấy, thì ta gọi là Đ.C.T., cho nên chắc phải có Đ.C.T.

Đấng làm người có trí hay nghiệm xét, hãy nghĩ đều nầy nữa, chẳng những trời đất làm chứng có Đ.C.T., mà loài người ta cũng làm chứng có Đ.C.T. nữa. Kìa các dân thế gian, dầu mà dân mọi rợ dốt nát, thì đều có việc thờ phượng, kẻ thờ trời, kẻ thờ đất, người thờ giống nọ, giống kia, chẳng ai chịu để lòng mình ở

không. Mà việc thờ như vậy là tại đâu mà có ? Ắt là tại oai cả Chúa chí tôn loà soi, làm cho lòng người chẳng an, hằng tìm về cùng gốc mình. Dầu người ta bị tình tư dục che lấp trí khôn, cho nên tìm lạc thờ quấy mặc lòng, song cũng phải theo lẽ chính soi thúc, mà làm việc trọng, việc trên đầu mình ; vì việc thờ là việc trọng cả, mọi người đều ưng để cho đứng cao hơn hết, mà tỏ lòng kính phục.

Lại các dân đều có việc cầu khẩn, vì khi người ta muốn đặng sự gì khó, hay là muốn khỏi sự gì hệ, thì thường thường có kêu vái, hay là làm lời khấn, nhứt là khi bị tai nạn cấp thúc. Như khi bị giông tố giữa biển, khi ở gần thú dữ, hay là khi cấp bịnh, thì kêu cầu khấn hứa liên-thiên thiết tình. Mà người ta làm việc cầu khẩn làm vậy, thì làm việc nhìn biết đấng phép tắc, vì khi cầu khẩn, thì lòng người ta đều ưng chạy đến cùng đấng có phép trợ cứu đặng. Vậy thì việc thờ, cầu, khẩn, trong các dân, là dấu chỉ lòng người ta nhìn biết đấng trên hết có phép tắc là Đ.C.T.

Vã lại Đ.C.T. là đấng chí linh thượng cực một mình trên hết, và bổn tính, tài năng Đ.C. T., thì khác xa bổn tính, tài năng muôn loài thảy thảy.

I° — Đ.C.T. là đấng tự hữu, nghĩa là hằng có một mình, không chịu sinh ra bởi phép nào khác, vì trời đất muôn vật thảy đều là giống thọ sinh, cho nên phải có Chúa tự hữu vô sơ làm đầu mà khỉ dựng, sinh làm trời đất muôn vật.

II° — Đ.C.T. là đấng thiêng liêng, nghĩa là không xác, hằng sống, hằng thông hiểu, và mọi nơi đều khắp thấu. Nếu Chúa không thông biết và không ở khắp mọi nơi, thì trở sao cho kịp việc gìn giữ coi sóc trời đất muôn vật ?

III° — Đ.C.T. là đấng vô cùng, nghĩa là vô thỉ, vô chung. — Vô thỉ là đi tới trước dầu mấy muôn ngàn năm, thì đều có Chúa luôn, chẳng khi nào không có Chúa, chẳng phải là mới khỉ có ra như các loài khác đâu. — Vô chung là đi ra sau, dầu mấy muôn kiếp, thì Chúa hằng có vậy. Nếu Đ.C.T. có cùng trước thì phải có đấng nào trước nữa, đã sinh ra Đ.C.T. Ắt là Đ.C.T. ấy chẳng phải Chúa trời đất thật, vì ta quyết nhìn biết một Đ.C.T. là đấng vô thỉ, cho đặng làm đầu sinh ra mọi sự mà thôi. Lại nếu Đ.C.T. có cùng khúc sau, thì cùng sao đặng ? Vì Chúa là thiêng liêng không xác. Mà sự yếu già, tiêu hao, cùng sự chết, là thuộc về loài có xác.

IV° — Đ.C.T. là đấng phép tắc. Nghĩa là phép thẳm xa, tri loài thọ sinh suy lường không đặng. Hễ là Chúa muốn làm việc gì, dầu khó, lạ, quá khỏi lý tự nhiên mặc lòng, thì sự ấy phải theo phép Chúa mà có tức thì, mà Chúa chẳng phải lao phiền, khổ cực, cũng chẳng có việc làm, một ý muốn, thì mọi sự phải ưng lòng, vì Chúa vô cùng thì phép Chúa cũng vô cùng.

V° — Đ.C.T. là đấng ở khắp mọi nơi, nghĩa là trên trời, trên không, dưới sâu, trong đất, trong đá, trong nước, mọi nơi đều có Chúa, vì Chúa là vô cùng, hằng cùng khắp thảy thảy, lại Chúa là thiêng liêng không xác, cho nên không vật gì cảng trở đặng, dầu vật dơ lấm cũng chẳng nhuốm vương. Kià sự sáng mặt trời soi nhập vào nơi dơ, mà mặt trời cùng sự sáng có dơ lấm đặng đâu ?

VI° — Đ. C. T. là đấng xem thấy mọi sự, nghĩa là các sự kín tối, các mối khuất nhiệm, các sự suy tưởng trong lòng mọi loài, Chúa thấy hết, vì Chúa ở khắp mọi nơi. Các sự từ trước vô cùng, trước tạo thiên lập địa cho đến sau vô cùng, đều bày ra một lược trước mặt Chúa thay thảy, vì Chúa là vô cùng hằng bao khắp trước sau vô cùng.

VII° — Đ. C. T. là đấng trọn tốt, nghĩa là các sự tốt xinh, mọi phước lộc, các sự vinh hiển trên trời dưới đất, các phước thiêng liêng vô cùng, thì Chúa gồm đủ hết, vì Chúa là căn bổn mọi sự. Và các đều độc dữ, xấu hư, các tính xiên tà, lạc đàng ngay, thì Chúa đều chê ghét, chẳng chút ưa chịu, dung tha, vì sự xấu chẳng ở cùng sự trọn tốt Chúa đặng.

Hoặc ai hỏi rằng : Chúa trọn tốt sao còn sinh ra sự xấu, sự dữ ? Ta nói rằng : mọi sự Chúa sinh là sự tốt hết, mà bởi người ta phạm tội, thì Chúa để nhiều sự ra xấu mà phạt. Cho nên Chúa cũng là trọn tốt, vì Chúa công bình sửa phạt tội lỗi, Lại có sự dữ sinh ra, coi là sự dữ, song chẳng phải là sự dữ thật, vì cũng có phương linh nghiệm làm cho người ta đặng sự lành, sự tốt, và cũng có phương hiệu nghiệm làm cho sáng danh Chúa nữa, vì Chúa có phép sinh đặng giống lành, giống dữ, giống hiền, giống hung, đủ các giống cho rậm rạp trong thế gian, mà tỏ oai quờn vinh hiển Chúa.

VIII° — Đ. C. T. là đấng công bình vô cùng, nghĩa là dầu Thiên thần, dầu người lành, dầu người cao cả, dầu đứa hèn mạt, thì Chúa cứ một cân thăng bằng mà làm việc thưởng phạt, vì Chúa gồm đủ các phước, chẳng tư vị

ai. Một ý tưởng chẳng lành, thì cũng nhắc cân phần phạt. Một chút nước lạnh thì kẻ khát khao, thì cũng chẳng mất phước thưởng công trên trời.

IX° — Đ. C. T. là đấng nhơn từ vô cùng, nghĩa là khi còn ở đời nầy, dầu muôn vàn dân thiên hạ chẳng nhìn biết Chúa, và hằng cứng lòng làm nghịch cùng Chúa, lại làm nhiều giống tội nặng nề trước mặt Chúa, thì Chúa hằng lấy lòng nhơn từ đợi chờ nó trở lại, và nhịn nhục nó luôn cho đến đời sau, vì đời nầy là đời làm việc, đời lập công trọn lành cho linh hồn và xác, cho nên Chúa lấy lòng nhơn từ mà đợi chờ. Lại khi còn ở đời nầy, những kẻ có lòng tin cậy kêu xin thì Chúa hằng lấy lòng rộng rãi ban ơn, xuống phước riêng nhiều cách, nhiều thế cho linh hồn và xác. Chúa cũng hằng nhơn từ coi sóc dưỡng nuôi chung cả loài người ta trong thế gian, dầu người lành, người dữ, thì cũng đặng ơn sức khoẻ, ăn, mặc, hưởng nhờ phong võ, thì tiết thảy thảy.

X° — Đ. C. T. là có một, nghĩa là có một Chúa mà thôi, vì Chúa là đấng vô cùng, mà nếu có hai đấng vô cùng, thì ắt là cả hai cũng chẳng vô cùng đặng hết, vì chẳng đấng nào bao quảng đặng đấng nào. Lại Chúa là đấng

dựng nên, và cai trị trời đất, thì phải có một Chúa cai trị mới an trong một lịnh, cho trời đất đặng bền vững, và muôn vật điều hoà trỗ sinh.

Từ trước đến đây đã chứng minh phải có một đấng dựng nên trời đất là Đ. C. T., cùng giải chỉ tài năng Đ. C. T. ra thế nào, thì các lý nghe cũng vừa tai dễ hiểu. Bây giờ có lý khác cao xa, trí loài người ta hiểu không đặng, là có một Đ. C. T., mà trong một Đ. C. T. thì có ba Ngôi : Ngôi thứ nhứt là Đ. C. Cha, Ngôi thứ hai gọi là Đ. C. Con, Ngôi thứ ba gọi là Đ. C. Thánh Thần. Đều nầy là đều mầu nhiệm cả, Chúa dạy phải tin. Để sau khi giảng về Ngôi thứ ba, thì giảng đủ các lẽ về đều mầu nhiệm nầy. Bây giờ nói qua một lời về Ngôi thứ hai cho rõ câu kinh dạy.

Kinh Tin kính đọc rằng : tôi tin kính Đ. C. T. là Cha, vì từ trước vô cũng Đ. C. T. Ngôi thứ nhứt là Đ. C. Cha sinh ra Đ. C. Con là Ngôi thứ hai, cho nên nói rằng : Đ. C. T. là Cha. Lại Đ. C. T. cũng gọi là Cha loài người ta nữa, vì Chúa đã sinh loài người ta cùng nuôi dưỡng trong thế gian nầy. Dầu mà Chúa sinh dưỡng loài người ta, song phần nhiều trong loài người ta chẳng nhìn biết ơn

Cha cả sanh thành dưỡng dục. Thì đều ấy chẳng phải là tội ác lắm sao ? Mà tội ấy chẳng đáng cho Cha cả từ bỏ đời đời sao ? Khuyên các giáo hữu nhớ lại phước riêng mình đã đặng, vì Chúa đem vào Hội-thánh cho biết Chúa thật mà thờ, cho ngày sau đặng thấy Chúa. Ai nấy hãy nhớ lại mình là một loài trong các loài Chúa đã dựng nên trong thế gian Chúa. Lãnh linh hồn và xác Chúa ban, ở trong đất Chúa, ăn nhờ của Chúa. Mà chẳng phải là ở đỗ, song thật là ở đất Cha cả đã sắm để cho con ở mà nhìn biết, và kính thờ Cha cả tốt lành đáng mến thương trên hết các loài trên trời dưới đất.

GIẢNG Đ. C. T. DỰNG NÊN TRỜI ĐẤT.

(dẫn truyện luôn theo một điều thứ nhứt kinh Tin kính.)

Các lẽ đã giảng trong điều thứ nhứt nầy, thì làm chứng phải có đấng dựng nên trời đất, là Đ. C. T. cùng đã thích giải bổn tính Đ. C. T. ra làm sao. Bây giờ giảng về Đ. C. T. đã dựng nên trời đất cùng muôn loài muôn vật.

Trước chưa có trời đất, thì Đ.C.T. đã sinh một loài thiêng liêng, tốt lành sạch sẽ, cho phước sáng láng, thông hiểu cao xa, cho phước vinh hiển vui vẻ, cho nhiều phép tắc trọng cả. Mà loài thiêng liêng ấy gọi là Thiên thần. Phân làm nhiều phẩm, hằng hà sa số, hằng xem thấy Chúa, hằng chầu chực, hát mừng Chúa.

Thật Thiên thần là rất đông đẳng, cả phước lộc, qui cả hơn các loài phép Chúa dựng làm. Mà phước quí ấy các Thiên thần hết thảy chẳng giữ cho mình đặng luôn, vì có một phần đông lắm trong các Thiên thần đã theo đảng ác tên là Luciphe mà phản nghịch cùng Chúa. Vì thấy mình đã đặng cao sang phép tắc, thì sinh kiêu ngạo, xưng tài, cậy phép, lấy mình làm bằng Chúa.

Luciphe đặt toà cao địch thề cùng Chúa, Đ. C. T. đã phạt Luciphe cùng vô số các thần theo đảng ác nó, sa xuống hoả-ngục chịu phạt đời đời, mất sáng, mất phước, ra tối tăm, ra dơ, hằng đau đớn, nóng đốt, khốn cực luôn. Các thần ấy rày gọi là ma quỉ.

Dầu các ma quỉ ở hoả-ngục, mà cũng có nố ma kia lên dương gian, đi các nơi vắng hiềm, ở các nơi tối tăm, dơ dáy. Dầu lên

dương gian, dầu ở đâu, thì nó cũng phải đem hình phạt hoả-ngục theo mình luôn.

Nó hằng cám dỗ loài người ta theo nó, để phải phạt cùng nó vì nó đã ra dữ, thì tánh hằng muốn sự dữ cùng ghen ghét loài người ta đặng ơn phước Chúa ban. Nhiều khi hiện bày hình nọ, thể kia mà phỉnh hại. Mà những hình ma quỉ hiện bày và những chước nó dỗ giục là những hình dơ dáy, xấu hư, và những chước hư dâm, mưu độc mà thôi.

Vã lại những Thiên thần trung nghĩa cùng Chúa, thì còn lại vô số, có nhiều đạo binh, có nhiều phẩm, đông đúc lắm lắm.

Có phẩm hằng chầu Chúa, kính mến, hát mừng, sáng láng, rực rỡ ; có phẩm vừa giúp việc cai trị trời đất muôn vật, điều hoà phong võ thì tiết, gìn giữ nước nọ nước kia trong cả thế gian. Mỗi xứ, mỗi thành đều có Thiên thần bảo hộ, mỗi người có một Thiên Thần giữ mình, trừ dẹp ma quỉ, gìn giữ linh hồn và xác, hằng soi giục làm lành lánh dữ. Kẻ lành có Thiên thần ở gần một bên, cũng có khi cho ngó thấy ; kẻ dữ Thiên thần ở xa, hòng lìa bỏ, vì sạch với dơ khó mà hiệp gần.

Có phẩm Thiên thần lại sai ra truyền bảo việc nọ, việc kia cho loài người ta. Đã có nhiều

lần Thiên thần lấy hình người mà hiện ra cho ta, mà truyền bảo, hay là cứu giúp, kẻ lành ngó thấy, thì thật là sáng láng tốt lành, đáng kính vưng, cùng vui mừng bằng an trong lòng; kẻ dữ ngó thấy, thì cả oai, cả sáng, cả sợ. Dầu Thiên thần chầu Chúa, dầu Thiên thần sai đi các việc, thì hết thảy cũng đều vui vẻ phước lạc vinh hiển luôn.

Ấy là loài thiêng liêng tốt lành Chúa đã sinh đầu hết, là các phẩm Thiên thần, để hầu việc sang trọng phép tắc Chúa. Mà có một mớ vô số, đã ra ma là tại nó kiêu ngạo trở lòng.

Bây giờ ta đi lần đến việc tạo thiên lập địa. Từ sinh Thiên thần cho đến sinh trời đất muôn vật, thì chưa có loài người ta. Mà Đ. C. Thánh Thần là Chúa chơn thật đã soi chỉ cho các thánh tiên tri chép truyền cho Hội-thánh các đều trước sau, thì ta tin thật cùng thuật giảng các đều. Hãy nhớ lại điều thứ nhứt đã nói trước là Đ. C. T. phép tắc vô cùng, muốn sự gì, dầu khó thể nào, thì sự ấy phải có như ý Người muốn, mà Chúa chẳng chịu khó chút nào. Một lấy phép tắc mình mà khiến dạy mọi sự phải có như ý muốn.

Đầu hết không trời đất, không có vật gì

hết cả, là lộng lộng, mù mù, u minh, hỗn hỗn. Mà Chúa đã làm nên mọi sự trong sáu ngày.

Ngày thứ nhứt, Chúa cho có hai vừng cao rộng, là trời đất, mà còn u minh tối tăm.

Ngây thứ hai, Chúa làm cho khí nưng đỡ trời cho vững chắc, mà cho rọt phần nước ở trên khí và ở dưới khí ra.

Ngày thứ ba, bỡi đất cùng nước còn lộn lạo nhau, thì Chúa dạy nước phải tụ hội riêng một nơi, ở xung quanh đất, là các ngả biển. Chúa lại dạy đất phải sinh ra các giống thảo mộc hoa quả ; cây nào, giống nào đều phải cứ vậy mà nối sinh luôn.

Ngày thứ bốn, Chúa sinh hai vừng sáng lớn ở trên cao là mặt trời và mặt trăng, cùng dạy soi khắp cả thế gian. Chúa lại sinh các toà sáng láng ở trên trời, là các ngôi sao.

Ngày thứ năm, Chúa sinh ra các loài cầm thú, có giác hồn cùng dạy các giống cá lớn nhỏ sinh ra trong biển và dạy phải cứ nòi thứ như vậy mà sinh luôn. Chúa lại sinh ra các giống chim, và dạy phải sinh ra cho nhiều trên đất.

Ngày thứ sáu, Chúa dạy đất sinh ra các giống lục súc, côn trùng vô số, và ngày thứ sáu nầy Chúa sinh ra loài người ta.

Trong các loài Chúa đã sinh trước sau tạo thiên lập địa, thì có hai loài trọng tốt hơn hết, là Thiên thần cùng loài người ta ; vì hai loài nầy Chúa cho đặng phần thiêng liêng mỉa mai giống Chúa. Vì Thiên thần là thiêng liêng hằng sống, đặng phần thông hiểu bởi tính thiêng liêng Chúa mà ra, và loài người ta Chúa cho linh hồn thiêng liêng hằng sống tốt lành, biết luận lý, cũng bởi tính thiêng liêng Chúa mà ra.

Vậy Chúa lấy đất mà dạy trở nên người ta. Thì đất đã trở nên hình một người nam, rồi Chúa cho linh hồn nhập vào xác ấy, mà người nam đầu hết đó rày gọi là A-Dong.

Đ. C. T. sinh loài người ta ngày sau hết là ngày thứ sáu. Qua ngày thứ bảy Chúa thôi việc tạo sanh, cũng đã chúc phước cho ngày thứ bảy mà làm cho ngày ấy nên ngày thánh.

Chúa muốn sinh mọi sự trong một nháy mắt, thì chẳng khó gì, vì Chúa phép tắc vô cùng phán dạy, thì mọi sự phải có. Mà đã làm mọi sự trong sáu ngày cùng đã chúc lành cho ngày thứ bảy nên ngày thánh.

Ấy là dạy loài người ta phải giữ riêng ngày thứ bảy, chớ làm việc xác. Phải để ngày ấy làm ngày thánh, mà cám ơn Chúa sanh

thành dưỡng dục, và thờ lạy kính mến Chúa siêng hơn các ngày khác.

Vã lại Chúa sinh ra các loài, thì phán một lời liền có, và dạy phải giữ khuôn rập nòi mình mà sinh luôn, còn việc ăn ở, thì Chúa phú cho tài sức mà tìm kiếm trong đất, trong nước. Mà Chúa sinh loài người ta, thì sắm chỗ ăn, chỗ ở kỹ tốt chẳng thiếu món gì, vì Chúa thương loài Chúa sinh, có linh hồn thiêng liêng tốt lành, có phần giống Chúa.

Vậy Chúa đem ông A-Dong vào trong vườn kia vui vẻ, cũng như thiên đàng dưới đất, gọi là vườn diệu quang. Có sông chảy vào giữa vườn, chia ra bốn nhánh, chảy vòng xung quanh im mát, có đủ vật châu báu, vàng thượng thập sinh nồi, đá ngọc rạng bày, đủ các giống cây trái ngon ngọt, mĩ vị, hiền lành, tươi tốt, mắt xem miệng nếm, đẹp sướng phước lạc. Giữa vườn có cây kia kêu là cây biết lành dữ. Chúa cho ông A-Dong ở vườn nầy cùng cho đặng sống luôn, khỏi chết, song Chúa truyền một điều răn phải giữ, có ý cho ông ấy nhớ luôn, mình có Chúa phải vưng lời chịu lụy.

Chúa phán rằng : các giống hoa quả vườn nầy, Tao cho mầy hưởng mặc ý, mà Tao cấm

ăn trái cây biết lành dữ, ngày nào mầy ăn trái cây ấy thì mầy phải chết.

Chúa lại sinh một người nữ, để làm bạn cùng ông A-Dong, cho đặng giúp đỡ nhau. Vậy Chúa làm cho ông ấy ngủ mê cùng lấy một xương sườn ông ấy mà dạy trở nên một người nữ, rày gọi là bà Evà, cùng đem bà ấy đến trước mặt ông A-Dong, thì ông ấy liền nhìn làm vợ, mà nói rằng : người nầy là một xương thịt cùng tôi. Ấy là phép nhứt phu nhứt phụ Chúa đã lập trong loài người ta.

Chúa lại phán cùng hai ông bà rằng : Chúng bay hãy sinh sản cho đông, cho nhiều trong trái đất. Tao cho chúng bay làm chủ cai trị muôn loài, muôn vật. Muôn loài, muôn vật là của Tao ban cho bay ăn hưởng. Kìa phước hai ông bà đã hung, bá cốc, thảo mộc sẵn nhiều, chim trời cá nước vô số muốn sao đặng vậy. Chẳng phải bới đất lặt cỏ, cũng chẳng phải thả câu thăm bẫy, vì muôn vật còn phải đến ông ấy mà chịu đặt tên cho mình.

Vã lại ma quỉ thấy mình đã mất phước cả, mà loài người ta đặng nhờ ơn phước Chúa dường ấy, thì sinh ghen ghét, muốn hại phá cho bỏ. Vậy nó giả con rắn đến bà Evà mà nói rằng : sao Chúa chẳng cho hai ông bà ăn hết

các giống cây trái trong vườn nầy ? — Evà nói rằng : các giống cây Chúa cho chúng tôi ăn hết, mà cây thông minh ở giữa vườn, Chúa cấm, ngày nào chúng tôi ăn trái cây ấy, thì phải chết. — Rắn nói rằng : Chẳng phải vậy. Chúa đã biết nếu hai ông bà ăn trái cây ấy vào tức thì đặng mở bực con mắt ra mà biết hết các việc lành dữ và hai ông bà đặng nên như Chúa, cho nên Chúa cấm ăn trái cây ấy. — Evà nghe vậy, thì đến gốc cây nhắm nhía, thật là tốt đẹp, bèn hái mà ăn, và đem cho chồng, thì A-Dong cũng đã ăn.

Đ. C. T. hiện đến trong vườn, kêu A-Dong hỏi việc ấy. Ông A-Dong thưa rằng : đờn bà Chúa cho làm bạn với tôi, nó đem trái cây cho tôi ăn. Chúa hỏi Evà rằng : sao mầy dám làm việc nầy ?— Evà thưa rằng : con rắn phỉnh tôi.

Chúa phán cùng con rắn rằng : mầy đã làm sự nầy, thì Tao phạt mầy ra loài xấu hơn các loài. Mầy phải bò trệt đất, cùng phải ăn đất, và ngày sau Tao cho người nữ khác dày đạp trên đầu mầy.

Chúa phán cùng Evà rằng : Tao phạt mầy phải chịu nhiều sự khốn cực đời nầy ; Tao phạt mầy phải đau đớn lo sợ khi sinh đẻ và mầy phải ở dưới phép chồng mầy.

Chúa lại phán cùng A-Dong rằng : bỡi mầy đã nghe lời vợ mà phạm lịnh Tao, thì đất nầy trở ra vô lộc cho mầy, mầy phải mệt nhọc, bới đất, lặt cỏ cả đời, mới có mà ăn. Đất sẽ sinh gai gốc cỏ rác cho mầy, mầy phải lao phiền, khốn cực đời nầy cùng phải chết.

Ấy là án đoán phạt tội tổ tông : phần xác phải chết và linh hồn phải bỏ ra khỏi Chúa đời đời, và lưu truyền tội ấy cho cả loài người ta phải chịu như vậy thảy thảy. Mà tội tổ tông nầy thì mọi người đều mắc hết, khi còn ở trong lòng mẹ ; và tội ấy làm cho linh hồn mất ơn sức mạnh đầu hết Chúa đã ban, vì đầu hết tổ tông đặng ơn sức mạnh, có linh hồn trọn tốt, hằng ưng chìu về đàng lành phước thật. Mà bỡi đã phạm tội, thì linh hồn ra yếu đuối, xiêu theo đàng dữ. Bỡi đó loài người ta bị tội tổ tông nhập vào linh hồn, thì ra yếu đuối, cho nên càng ngày càng phạm nhiều tội khác nghịch ý Chúa, là đấng cực thánh, cực sạch vô cùng.

Kìa trời cao đất rộng ở sao cho hết ? Núi biển mù mù, muôn vật hiếm hiếm, ăn sao cho xiết ? Nhưng mà Chúa đã chịu cho hết phước, cùng cho đặng sống luôn mà hưởng, miễn là loài người ta giữ nghĩa cùng Chúa. Mà bỡi

loài người ta đã nghe ma quỉ, hơn nghe Chúa, thì Chúa phải phạt, cùng thâu bớt phước đi, kẻo để phước rộng mà sinh lung hết thảy, cũng phải phạt xuống hỏa ngục.

Lại dầu Chúa công bình, phạt tội, thâu phước, song Chúa là đấng nhơn từ, bỏ chẳng đặng loài Chúa đã sinh, có phần giống Chúa, cho nên còn để loài người ta ở trong thế gian, mà ăn năn hối cải. Chẳng nỡ phá tuyệt cả loài vô ân nầy, mà sinh loài khác lạ tốt hơn cho đặng làm tôi Chúa. Bỡi đó Chúa hứa cho Chúa cứu thế đến cứu loài người ta cho khỏi tội, mà đem về hoà hiệp cùng Chúa, vì khi Chúa phán cùng con rắn rằng : Ngày sau sẽ có người nữ khác dày đạp trên đầu mầy. Ấy là chỉ Đ. C. G. ngày sau sinh bỡi Đ. Bà Maria, là người nữ vẹn sạch, hằng trung nghĩa, sẽ dày đạp trên các phép ma quỉ.

Vậy thì loài người ta hẫy xem lòng nhơn từ Chúa mà trở lại thờ phượng, giữ điều răn Chúa cho hết lòng, khi còn ở dưới đất nầy, cho ngày sau đặng lên ở đất trên trời, là nơi đầy dẫy, no nê, ngon ngọt, sung sướng, đủ các phước, hằng hưởng, hằng vui đời đời.

ĐIỀU THỨ HAI



Kinh Tin kính rằng : *tôi lại tin kính Đức Chúa Giêsu Kirixitô là con một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng tôi.*

Điều thứ hai nầy giảng về Ngôi thứ hai là Đ. C. Con đồng một bổn tính thiên Chúa cùng Ngôi thứ nhứt là Đ. C. Cha, và hiệp thành một thân thể, và một tính cùng loài người ta, sinh ra ở thế, làm việc đền tội cứu chuộc loài người ta. Trong điều nầy có nhiều tên phải cắt nghĩa cho hiệp ý mà chỉ về một Ngôi thứ hai.

Thứ nhứt nói rằng : *Con một Đ. C. Cha*... Đ. C. Cha là Ngôi thứ nhứt, là Chúa thật, dựng nên trời đất, đã sinh ra Ngôi thứ hai, là Đ. C. Con, cho nên nói rằng : Con Đ. C. Cha. Dầu mà Đ. C. Con đã sinh ra bởi Đ. C. Cha, song Đ. C. Con cũng là Chúa thật vô cùng như Đ. C. Cha, có một bổn tính thiên Chúa bằng như Đ. C. Cha, và cũng là Chúa đồng sanh thành vạn vật cùng Đ. C. Cha. Bởi đó Hội-thánh xưng rằng : tôi lại tin kính Con một Đ. C. Cha, nghĩa là tôi đã tin kính Đ. C.

Cha hết lòng, thì tôi lại tin kính Con một Đ. C. Cha, bằng như Đ. C. Cha.

Thứ hai nói rằng : *Con một*. Vì có một Đ. C. Con đã sinh ra bởi bổn tính Đ. C. Cha, và có một bổn tính bằng Đ. C. Cha, cho nên rằng : *Con một*. Nầy là đều mầu nhiệm cả, Chúa chơn thật đã truyền cho Hội-thánh tin. Chớ khá lấy trí phàm xét luận, cãi chống, mà phạm đến bổn tính thiên Chúa, cùng phải dứt bỏ ra khỏi phần phước kẻ tin đặng hưởng đời đời, trong loài người ta còn chẳng ai biết ai cho hết đặng thay, phương chi người ta mà đòi lảu biết tánh Chúa cho tường sao đặng ?

Thứ ba nói rằng : *là Đ. C. G.* Chữ *là* nầy buộc hai tên lại thuộc về một đấng. Vậy thì Con một Đ. C. Cha là ai ? là Đ. C. G. — Mà Đ. C. G. là ai ? — là Con một Đ. C. Cha là Ngôi thứ hai. Bởi đó nếu tin kính Con một Đ. C. Cha, là Ngôi thứ hai, mà chẳng tin Ngôi thứ hai là Đ. C. G. thì tin lạc. Lại tin kính Đ. C. G. mà chẳng tin Đ. C. G. là Con một Đ. C. Cha, là Ngôi thứ hai, thì tin lầm, vì dầu Đ. C. G., dầu Con một Đ. C. Cha thì cũng một Ngôi mà thôi, là Ngôi thứ hai, chẳng phải hai tên ấy là hai tên riêng.

Vã lại tên Giê-su nầy là tên Đ. C. Cha đã

sai Thiên thần đến thế gian truyền cho Đức Bà Maria, hầu ngày sau Đ. C. Con xuống làm người chịu sinh ra bởi Đức Bà, thì đặt tên nầy cho Người. Tên nầy là tên cực trọng. Sấm truyền nói rằng : khi kêu tên Giê-su, thì Thiên thần, các thánh trên trời khâm sùng kính phục, người lành dưới thế quì gối thờ lạy, ma quỉ hoả ngục đều hoảng hốt dẹp tan.

Mà tên Giê-su có nghĩa là cứu thế, nghĩa là Đ. C. Giêsu đã đến thế gian, lập công đền tội loài người ta, mà cứu cho khỏi phạt đời đời. Hoặc ai hỏi rằng : một mình loài người ta lập công đền tội cứu mình cho khỏi phạt chẳng đặng sao ? Ta nói rằng : loài người ta phải đền tội mình, mà phải có công nghiệp Đ. C. G. đi trước, cho công nghiệp người ta nương theo, thì mới đền xứng đặng. Ta đặt thí dụ xa xa nầy rằng : Người sang trọng giàu có kia gặp đứa đói rách trần truồng, thì đem về nuôi làm đầy tớ, cũng cho phước khắp đủ các bề, Mà đầy tớ đã có ý mắng nhiếc, đánh trả, thì chủ cực lòng, đã đuổi đầy tớ ra khỏi. Ta tưởng đầy tớ ấy có lập công cách nào cho xứng tội nó chăng ? Đứa hèn phạm đến đấng sang, ơn trọng phủi bỏ thể ấy, thật là đều ốc phục đau đớn, khó đền, khó tha. Dầu vậy mặc

lòng, con một yêu dấu chủ nhà, thương đầy tớ, thì khóc lóc, kêu xin lâu ngày, đến đỗi gầy mòn liệt nặng, ắt là chủ nhà thương con yêu dấu, thì cũng thìn lòng, giảm sốt. Song đầy tớ hối cải khiêm nhượng, chịu khó thật tình, thì ắt là công nghiệp đầy tớ nương theo công nghiệp con yêu dấu chủ mà thành việc đền tội xứng đáng, cho chủ an lòng mà thứ tha, cùng kêu đầy tớ trở lại phước trước. Loài thọ sinh phạm đến Chúa sanh thành chí tôn, là tội vô giá, chẳng công nghiệp nào trong thế gian đền cho xứng đặng, có một công nghiệp thiên Chúa trên trời đem xuống đền cứu, thì mới xứng đặng, vì Chúa là đấng vô cùng, thì tội phạm đến Chúa cũng là phạm vô cùng nữa. Mà Đ. C. Giêsu là Đ. C. Trời thật đã hạ mình xuống thế gian, chịu sinh ra làm người hèn, chịu khó trọn đời, và chịu nạn, chịu chết trên cây thánh giá, mà phạt tạ Đ. C. Cha vì tội loài người ta, mà cứu người ta cho khỏi phạt đời đời.

Vậy tên Giêsu có nghĩa cứu thế, thì đã xứng hạp các việc Đ, C. Giêsu đã làm khi còn ở thế gian. Lại dầu Đ. C. Giêsu đã hết lòng lập công đền tội thế gian ; song thế gian phải ra sức lập công đền tội cho mình, hầu công nghiệp loài người nương hiệp cùng công nghiệp

thiên Chúa trọng vô cùng, mà làm nên phần đền xứng đáng tội phạm đến Chúa cao trọng vô cùng, cho đặng ơn thứ tha, hoà hiệp lại cùng Chúa, là căn nguyên mọi người. Vì nếu Đ. C. Giêsu ra sức làm hoà mà người ta có ý chống nghịch, thì ơn cứu chuộc uổng công.

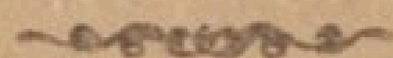
Vã lại Đ. C. Giêsu có hai tính : một là tính Đ. C. T., vì Đ. C. Giêsu là Ngôi thứ hai, là Đ. C. T. thật ; hai là tính người ta, vì Đ. C. Giêsu có linh hồn, có xác như người ta. Cho nên Đ. C. G. là Đ. C. Trời thật, cũng là người ta thật. Ớ phép lạ lùng thiên Chúa giáng sinh ! Chúa là người ta, mà người ta là Chúa cũng trong một đều ấy. Mà phép giáng sinh nầy là vì một phần rỗi loài người ta mà thôi. Cho nên loài người ta là trọng hơn các loài đã sinh trong thế gian.

Thứ ba, sau tên Giêsu có thêm tên rằng : Kirixitô. Tên Kirixitô nầy, khi Đ. C. Giêsu chưa sinh ra, thì các thánh tiên tri đã phán chỉ về Người đã lâu đời. Mà Kirixitô nghĩa là kẻ chịu xức dầu thánh. Vì đời Chúa cứu thế chưa sinh ra, các kẻ lên chức thầy cả, tế lễ Đ. C. Trời, cùng các đấng lên quờn đế-vương, thì chịu thánh tiên tri xức dầu, mà phong lên quờn chức ấy. Rày Đ. C. Giêsu gọi là Kirixitô, vì Đ. C. Giêsu là thầy cả rất thánh, hằng cầu cùng

Đ. C. Trời cho loài người ta, và mình Người là của lễ quí sạch, đẹp lòng Đ. C Cha, đã dưng mình chịu chết trên cây thánh giá, tế lễ Đ. C. Cha mà đền tội loài người ta. Cho nên gọi người là Kirixitô, là thầy cả rất trọng ở giữa Đ. C. Trời cùng giữa loài người ta, mà làm việc giao hoà khuyên dưới, cầu trên, cho tôi Chúa hiệp nhau. Vã lại Đ. C. Giêsu chẳng chịu xức dầu thế gian bởi tay người ta, song Người chịu xức dầu thiêng liêng bởi phép Đ. C. Cha cùng bởi ơn Đ C. Thánh Thần cho linh hồn Người gồm phước lạ hơn các đấng Đ. C. T. đã sinh ra. Vã lại có lời xưng rằng : là Chúa chúng tôi, vì Đ. Chúa Giêsu là Chúa chuộc cùng là Chúa sanh thành vạn vật, hằng thấu biết mọi sự trên trời dưới đất, hằng đáng chúng tôi yêu mến luôn, thờ phượng đời đời.

Sau hết Đ. C. Giêsu gọi là Kirixitô về quờn phép làm vua, vì Người là vua hằng sống, hằng quản trị trên trời dưới đất, vì Đ. C. Cha đã nhắc Người lên quờn cao cả trên hết, cho mọi loài, mọi đấng Đ. C. Trời đã sinh ra, đều phải quì gối dưới bệ chơn Người. Lại Người cũng là vua cả trên hết các vua, vì ngày tận thế Người ngự đến phán xét muôn dân, các vua, các nước thế gian trong quờn sang trọng Người.

ĐIỀU THỨ BA



Kinh Tin kính rằng: *bởi phép Đ. C. T. T. mà Người xuống thai sinh bởi bà Maria đồng trinh.*

Điều thứ ba nầy giảng về Chúa cứu thế sinh ra.

Từ tổ tông phạm tội cho đến Chúa cứu thế sinh ra, là đã hơn bốn ngàn năm. Loài người ta sinh ra trong thế gian đã hỗn lạc vô số. Mà bởi tội tổ tông đã vào trong loài người ta, thì làm cho lòng ra yếu đuối xiêu theo đàng dữ. Và bởi Chúa cứu thế chưa đến dẫn chỉ đàng lành cùng ban ơn phép giúp đỡ, thì thiên hạ càng ngày càng ra mù mịt tối tăm. Sấm truyền chép rằng : Dân sự ngồi trong đống tối tăm. Đống tối tăm ấy, là các giống tội lỗi nặng nề, tình tư dục, cùng chước ma quỉ hằng che phủ, chẳng cho nhìn biết Chúa sanh thành dưỡng dục. Đã nhiều khi Đ. C. T. chịu chẳng đặng, thì đã dùng trọng hình mà phạt giết cả thể. Khi thì phạt giết chung cả loài người ta, khi thì phạt giết vô số, khi thì phạt dân nọ nước kia phải tiêu hao khốn cực. Dầu vậy mặc lòng, Chúa chẳng để thế gian Chúa đã dựng

nên, chứa đầy tội lỗi hết thảy, và trong các đời, thì Chúa cũng chọn đặng nhiều người trung nghĩa, cùng gìn giữ, cho đặng thờ phượng Chúa dưới thế gian nầy. Những người lành, người thánh ấy, rày gọi là các thánh tổ tông, các thánh tiên tri. Các thánh nầy hằng bền lòng thờ Chúa, làm lành, lánh dữ, cùng hằng trông đợi ơn cứu chuộc Đ. C. Trời đã phán hứa, và nếu có khi nào đã phạm tội gì, thì đã ăn năn trở lại cùng Chúa. Mà các đời trong bốn ngàn năm, thì hằng có những người lành, người thánh phò Chúa giúp dân, cùng hằng ngóng trông Chúa cứu thế đến cứu loài người ta cho khỏi lầm than chìm đắm.

Khi đã đến ngày giờ Chúa cứu thế sinh ra, thì có một người nữ khó khăn, tên là Maria. Người nữ nầy đã gá bạn cùng một người nam, tên là Giuse. Dầu mà cả hai đã gá bạn, là có ý theo thói phép thế gian cho đặng giúp nhau trong việc phần xác, mà thờ phượng Đ. C. Trời, song cả hai thật là người nhơn đức và cả hai đã dưng mình cho Chúa, khấn hứa giữ sự đồng trinh sạch sẽ trọn đời. Mà người nữ nầy thật là người Đ. C. Trời đã chọn riêng trong cả loài người ta, cũng đã gìn giữ khỏi tội tổ tông, cùng khỏi tội mình làm.

Đang khi bà nầy đang cầu nguyện,trông đợi đấng Cứu thế Chúa đã hứa, khi ấy Đ. C. Cha sai một Thiên thần hiện đến đứng trước mặt bà ấy mà nói rằng : Kính mừng bà Maria, đầy ơn phước, Đ. C. T. ở cùng bà, bà có phước lạ hơn các người nữ thế gian.

Đ. Bà nghe, thì rối sợ cùng nghĩ đi nghĩ lại lời chào mừng ấy chỉ đi gì ?

Thiên thần lại nói rằng : Ớ bà Maria, chớ sợ, bà đã đặng ơn phước trọng trước mặt Chúa, vì bà sẽ có thai và sinh đặng con trai, cùng gọi tên Người là Giêsu.

Bà Maria thưa rằng : Lẽ nào có sự ấy đặng, vì tôi chẳng biết tới người đờn ông ?

Thiên thần nói rằng : Đ. C. Thánh Thần sẽ xuống phép trong bà, và phép cả Chúa chí tôn ở cùng bà, bỡi vậy đấng bà sinh ra gọi là Con Đ. C. Trời. Bà Maria thưa rằng : Nầy tôi là tôi tá Chúa, xin có cho tôi như lời Thiên thần truyền.

Khi Đức Bà Maria thưa lời ấy, tức thì Ngôi thứ hai xuống trong lòng người bỡi phép tắc Đ. C. Thánh Thần, vì tức thì Đ. C. Thánh Thần lấy máu thịt trong lòng Đức Bà, mà làm nên một xác cùng phú cho xác ấy một linh hồn trọn tốt, thành một người chịu đầu thai trong lòng Đức Bà.

Đức tin dạy phải tin con trẻ chịu đầu thai trong lòng Đức Bà, là người ta thật, bởi máu thịt Đức Bà mà nên xác, cũng là Đ. C. Trời thật, vì Ngôi thứ hai là Đ. C. Trời thật đã xuống trong lòng Đức Bà mà chịu đầu thai con trẻ ấy.

Vậy thì phải nói rằng : Đ. C. Giêsu là Đ. C. Trời thật, là người ta thật, có hai bổn tính trong mình ; một là bổn tính Đ. C. Trời thiêng liêng phép tắc, hai là bổn tính người ta như ta, có linh hồn có xác. Trong một người mà hai bổn tính, thì cũng hiểu đặng. Giả như ta bây giờ, mỗi người cũng có hai bổn tính trong mình ; một là bổn tính thiêng liêng là linh hồn, hai là bổn tính xác, có máu thịt, xương đủ cả mình.

Vậy thì ơn Cứu chuộc loài người ta là ơn thái quá trên trời, dưới đất, việc chuộc tội thiên hạ là việc trọng cả Đ. C. Trời ba Ngôi hiệp một ý mà làm, vì Ngôi thứ nhứt là Đ. C. Cha sai Ngôi thứ hai, là Đ. C. Con xuống thế ; Ngôi thứ Hai là Đ. C. Con hạ mình xuống thế mà chịu đầu thai ; mà Ngôi thứ ba, là Đ. C. Thánh Thần lại xuống phép tắc trong việc đầu thai. Ấy chẳng phải ba Ngôi hiệp một ý, mà thương xót ta trong việc chuộc tội sao ?

Xưa vì một người đờn ông và một người đờn bà, thì tội đã vào trong thế gian, rày Chúa dùng một người đờn ông và một người đờn bà (là Đ. C. Giêsu và Đức Bà) mà cứu thế gian cho khỏi tội. Đờn bà trước đã làm hư, thì đờn bà nầy làm nên, vì Đức Bà đã đặng làm mẹ cưu mang Con một Đ. C. T. là Ngôi thứ hai, là Đ. C. T. thật, ngự trong lòng hầu sinh ra cứu thế gian cho khỏi khốn.

Vã lại Đ. C. Trời là dấng rất thánh, rất sạch, đã chọn một lòng cho sạch mà ngự, thì có lẽ nào lòng ấy ra dơ đặng ? Lại Chúa chí thánh, Chúa sạch đã ngự trong lòng Đức Bà, thì làm cho lòng ra thánh hơn và đặng sạch hơn nữa. Vậy đức tin dạy phải tin, dầu khi Đức Bà chịu thai, dầu khi sinh con, thì người cũng là đồng trinh sạch sẽ trọn đời.

Khi Đức Bà cưu mang thai trọng Chúa chí thánh đã đầy tháng như người thế gian, thì tới ngày sinh đẻ. Sách sấm truyền chép rằng : Khi ấy vua Cêsarê-Augustô ra lịnh dạy dân cả trái đất phải khai sổ, thì ông thánh Giuse cùng Đức Bà ra khỏi xứ Galilêa mà về thành Bê-lem, là quê xứ mình cho đặng đem tên vào sổ. Vừa đến nơi, thì Đức Bà đến giờ sinh thai, mà khi ấy là tiết đông thiên lạnh lùng

và không có quán có nhà ngụ đỗ, thì đã vào nơi hang đá bò lừa, cùng đã sinh con một và lấy tấm khăn quấn con, để nằm trong máng cỏ bò lừa ăn.

Lại trong xứ ấy có bọn chăn chiên bò, đang thức ban đêm canh giữ chiên bò, thoát chúc có một Thiên thần hiện đến trước mặt bọn ấy, và sự sáng Chúa loà ra quanh nó, thì nó kinh hãi, Thiên thần phán rằng: chớ sợ, ta bảo tin vui mừng cho bay cùng cả dân hay, Chúa Cứu thế là Chúa Kirixitô, hôm nay đã sinh ra trong thành Belem. Nầy ta bảo dấu nầy cho bay biết. Đến đó thì bay gặp một con trẻ quấn khăn nằm trong máng cỏ, ấy là Người.

Cũng một khi ấy có nhiều đạo binh trên trời hát mừng rằng: Tán tạ khong khen Chúa trên trời, cùng bằng an cho người có lòng lành dưới thế.

Sự tích Chúa cứu thế đã sinh ra, thì Chúa dạy các thánh sử chép truyền như vậy. Mà từ Chúa đầu thai cho đến sinh ra, thì coi qua thật là phàm hèn, vì Chúa trời mà hạ mình xuống chịu thai, chịu làm con một người nữ khó khăn, hèn hạ, chịu sinh ra lạnh lẽo, nằm trong máng cỏ bò lừa, mà xét lại thì thấy nghĩa lý thâm trầm, vì việc chuộc tội là việc

hèn hạ chịu khó lập công. Cho nên Chúa hạ mình xuống cho đặng đền tội loài người ta.

Lại bởi người ta đã kiêu ngạo cãi lịnh Chúa, mà ăn trái cây hằng sống cho đặng thông minh sáng láng, thì Chúa lấy sự khiêm nhượng, hạ mình như người phàm ; mà đền tội kiêu ngạo người ta.

Sau nữa Chúa chịu sinh ra hèn hạ làm vậy, thì nghịch ý những người cao sang, kiêu căng, vì nó lấy Chúa làm hèn, chẳng đáng cho nó nhìn là Chúa. Những người làm vậy ngày sau bị phạt, thì chẳng trách Chúa đặng, vì Chúa đã hạ mình xuống mà đền tội người ta, song Chúa đã tỏ ra nhiều dấu lạ cho người ta nhìn biết Chúa là Chúa thật, vì khi Chúa gần chịu thai, thì đã sai Thiên thần đến bảo tin trước, khi Chúa đã sinh ra, thì cho Thiên thần đến bảo tin cho biết Chúa là Kirixitô, là Chúa cứu thế, cũng đã có muôn vàn thiên binh hát mừng.

Lại có bài sấm truyền thánh sử khác nói rằng : Khi Đ. C. Giêsu đã sinh ra, thì có ngôi sao lạ mọc ra dẫn đàng cho ba vua phương Đông đi tìm Chúa mà thờ lạy. Ngôi sao đi trước dẫn đàng ba vua đến nơi Chúa sinh thì ngôi sao đứng lại.

Nào có người nào, hay là hoàng tử nào trong thế gian, khi sinh ra mà có tin trên trời xuống bảo tin trước như vậy chăng? Có ai sinh ra mà có Thiên thần hiện đến bảo tin vui mừng, cùng chỉ là người sinh ra mà làm việc gì như vậy chăng? Ai sinh ra mà có tiếng mừng hát trên trời, cùng có sao lạ mọc ra, đem đàng cho người ta đến mà kính phục như vậy chăng? Ai trong loài người ta làm đặng việc ấy? Từ khi Đ. C. Giêsu chịu đầu thai, cho đến khi sinh ra, thì đã có các điềm lạ thường như vậy. Vậy thì Đ. C. Giêsu chẳng phải là Chúa thật sao?

Tôi tin thật Đ. C. Giêsu là Ngôi thứ hai là Đ. C. Trời thật bởi phép Đ. C. Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi Bà Maria đồng trinh. Người là Đ. C. Trời thật, là người ta thật, là thật Chúa cứu chuộc thế gian.

Tôi nhìn biết và thờ lạy Đ. C. Giêsu ở đời nầy cho đời sau đặng nhờ phần phước bằng an trên trời Chúa đã hứa ban cho kẻ có lòng theo Người khi còn ở thế gian.

ĐIỀU THỨ BỐN

Kinh Tin kính rằng : *chịu nạn đời quan Phong-xiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây thánh giá, chết và táng xác.*

Điều thứ bốn nầy giảng Đ. C. Giêsu chịu chết mà chuộc tội cho thiên hạ. — Người đã chịu quan Philatô tra xét, đánh khảo, cùng giao cho dân đóng đinh trên cây thánh giá mà chết, cùng đã chôn xác Người xuống mồ.

Từ khi Đ. C. Giêsu sinh ra cho đến chết, thì đặng ba mươi ba năm. Trong ba mươi năm trước, Đ. C. Giêsu ở cùng Đức Bà Maria là mẹ và ông thánh Giu-se là cha nuôi thì hằng vưng lời chịu lụy hai ông bà. Càng ngày thêm tuổi thì càng khôn ngoan, nhơn đức. Hai ông bà thật khó khăn, hèn hạ, thương con hết lòng, lo lắng nuôi dưỡng bền chí, và hằng theo con cho đến khi con lìa khỏi thế.

Khi Đ. C. G. đã đặng ba mươi tuổi, thì ra giảng đạo, cho thiên hạ ba năm. Trong ba năm ấy thì Người đã làm nhiều phép lạ mà cứu giúp người ta, như đã thường nghe đọc trong sách Evan phép lạ nọ phép lạ kia Chúa

đã làm. Lại trong ba năm ấy thiên hạ đã theo đạo Chúa giảng đông vô số.

Chúa đã lập những phép bí tích để ban ơn cho loài người ta đặng rỗi linh hồn. Chúa đã chọn mười hai người khó khăn làm tông đồ theo Chúa, có ý cho ngày sau nối quờn Chúa mà giảng truyền đạo Chúa, cùng làm các phép bí tích cho người ta đặng rỗi.

Khi Chúa giảng đạo đặng ba năm, thì đã đến ngày chịu chết, mà chuộc tội cho thiên hạ. Mà sự Người chịu chết, thì Người đã biết trước, đã nói trước cùng các thánh tông đồ. Lại Người chịu chết ngày nào, và chết khỏi ba ngày thì sống lại, thì Người đã phán trước cùng các ông ấy. Mà Người chịu chết là bởi lòng thương loài người ta phải phạt vì tội, chẳng phải Người chịu chết vì tội mình, vì Người là Đ. C. Trời thật, chẳng có tội gì. Lại chẳng ai giết Người đặng vì Người có phép tắc. Sau nữa Người chịu chết, thì chịu đau đớn trong xác mình hết sức, vì là người thật. biết đau, biết cực như ta.

Đời ấy có hai thứ người, tên là ký-lục và Pharisiêu, là người Giudêu, thấy Đ. C. Giêsu giảng đạo, mà thiên hạ theo đông, và tiếng Người càng ngày càng lớn, thì sinh lòng ghen

ghét, muốn hại Chúa, nên nó xuôi giục dân Giudêu theo phe nó, bắt Đ. C. Giêsu mà giết.

Tối ngày thứ năm trong tuần lễ kia, tên là Phaxi a, các dầu mục, thầy cả cùng quân Giudêu. đèn đuốc, khí giái đến bắt Đ. C. Giêsu trong vườn kia, tên là Gethsêmani. Khi ấy Chúa đang cầu nguyện trong vườn ấy, lo buồn, run sợ, mồ hôi và máu chảy xuống đất vì biết minh gần chịu xấu hồ, đau đớn cùng chịu chết. Quân ấy trói Chúa, dẫn Người đến nhà Anna, hiệp chứng gian mà cáo, thì Chúa đã chịu tra hỏi, chịu kéo lôi, đánh đập, xỉ vả, chịu sỉ nhục giữa quân ấy cả đêm, mà chẳng mở lời chống cãi than trách.

Đến sáng ngày quân ấy dẫn Chúa đến quan Phongxiô, mà cáo. Quan biết Chúa vô tội, mà quân kia cáo, là bởi lòng ghét cùng giục dân hiệp hềm, thì dạy dẫn Chúa đến vua Erode, mà hầu việc ấy.

Khi vua Erode thấy Chúa, thì mừng vì tròng đặng coi Chúa làm phép lạ, bởi đã nghe Chúa làm nhiều phép tắc. Song vua hỏi thì Chúa chẳng thưa lại, vì biết vua có ý thử phép Chúa mà thôi. Thấy vậy, thì vua cùng cả đạo binh vua nhạo báng chê Chúa là người phàm ngu chẳng biết gì, cũng dạy lấy áo trắng

mặc cho Chúa, chỉ là người dại, và dạy dẫn trả lại cho quan Philatồ.

Khi quân Giudêu dẫn Chúa đến, thì quan Philatồ nói rằng : tao chẳng thấy án gì đáng chết về người nầy. Vậy tao đánh đòn giữa bay, mà tha đi. Quan ấy dạy bắt Chúa mà đánh, tức thì quân lính kéo lôi dày đạp, cùng bịt mặt Chúa mà đánh nức nở, nát cả mình. Nó lại lấy gai khoanh làm mũ mà đóng vào đầu Chúa cùng đưa gậy cho Chúa cầm. Đoạn nó đứng xung quanh cùng quì gối mà nhạo rằng : lạy vua Giudêu ; nó cũng cáo gian rằng : Chúa đã xưng mình là vua Giudêu. Nó lại giựt gậy Chúa cầm mà đánh trên đầu, và giồ vào mặt, xỉ vả, nhiếc nhóc.

Quan Philatồ thấy Chúa bị lụy thái quá, cả mình rách nát, chẳng còn phải là hình tượng người ta nữa, thì dạy đem Chúa ra nơi cao cho dân xem hoặc là có động lòng thương mà tha chăng. Vậy Chúa đội mũ gai ra nơi cao. Tức thì quân ấy la lên rằng : hãy đem đi giết, đóng đinh, đóng đinh.

Quan Philatồ thấy việc khó gỡ, vì lòng dân hăn sùng hiệp một ý, thì sợ sinh loạn và e nó cáo mình mất chức, thì phú Đ. C. Giêsu cho nó đem đi giết. Quân ấy dẫn Đ. C. Giêsu

đi giết, bắt Chúa vác một cây thánh giá nặng lắm. Mà bởi Chúa đã yếu liệt, thì ngã xuống nhiều lần. Mà quân ấy sợ chết dọc đàng, đi chẳng đến nơi, thì đánh thúc giục đi cho mau.

Khi đã đến nơi kia tên là Calavariô, thì quân ấy lột áo Chúa, xô ngửa, nằm trần truồng trên cây thánh giá, lấy đinh sắc đóng chơn tay vào, cùng dựng lên và nó đứng xung quanh nhạo rằng : mầy có phép, sao chẳng cứu mầy, chẳng xuống cho khỏi. Song Chúa nhịn nhục cam lòng chịu và nguyện rằng : Lạy Đ. C. Cha, xin tha cho nó vì nó chẳng biết.

Khi ấy là lối giờ ngọ (*là giờ thứ sáu dân Giu-dêu*), mà cả trái đất phát tối tăm và mặt trời ra mù mịt cho đến giờ mùi (*là giờ thứ chín dân Giu-dêu*). Mà giờ mùi (*là giờ thứ chín dân Giu-dêu*), thì Đ. C. Giêsu nói rằng : Ớ Cha, con phú linh hồn trong tay Cha, và gục đầu tắt hơi. Tức thì đất động, đá vỡ ra, màng trong nhà thờ xé ra làm hai, mồ mả mở ra, nhiều người chết đời xưa sống lại hiện ra.

Khi Đ. C. Giêsu sinh thì còn đứng trên cây thánh giá, thì một người lính lấy giáo đâm vào hông Chúa, thấu đến trái tim, máu và nước chảy tuông ra.

Bấy giờ có một người tên là Giuse, đã làm môn đệ Chúa, đến quan Philatô xin xác Chúa cùng hạ xuống. Đoạn lấy thuốc thơm xức xác và lấy vải trắng vấn xác, và chôn vào huyệt ông ấy đã đục trong hoàn đá lớn, và đã lăn một viên đá to mà đậy lấp cửa huyệt kín hết. Bấy giờ quân Giudêu đến quan Philatô bàn thưa xin phải niêm mồ, cùng canh giữ mồ cho nghiêm nhặt. Thì quan ấy đã giao niêm đến niêm mồ, cùng dạy đặt quân canh mồ nghiêm nhặt. Khi ta nghe sự thương khó Chúa chịu chết, thì phải lo sợ, vì sự Chúa chịu chết hèn hạ trên cây thánh giá, thì nên phước thanh nhàn cho nhiều người. Ai nhìn biết công ơn cùng theo gương Chúa, thì đặng phước. Ai có ý khinh dể, chẳng tin, chẳng nhìn biết, thì phải phạt đời đời.

Kia Chúa trời đất đã thương loài người ta cho đến đổi hạ mình xuống, chịu sinh ra làm người cho đặng tìm kiếm loài người ta, và đã ghét tội loài người ta cho đến đổi liều mình chịu chết, mà đền phá cho khỏi án đoán phạt, thì loài người ta hãy mến thương Chúa hết lòng, cùng chừa tội cho thật, cho ngày sau đặng thấy Chúa tốt lành ở nơi thanh nhàn vinh hiển đời đời.

ĐIỀU THỨ NĂM



Kinh Tin kinh rằng : *xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại.*

Điều thứ năm nầy giảng về linh hồn Đ. C. Giêsu xuống ngục tổ tông viếng thăm linh hồn các thánh tổ tông, và giảng Đ. C. Giêsu sống lại trong ngày thứ ba.

Từ tội tổ tông vào đặng trong thế gian, thì cửa thiên đàng đóng lại, chẳng ai đặng vào ; bởi tội ấy lưu truyền, thì mọi người đều mắc hết. Kẻ dữ khi chết thì linh hồn vào hoả ngục ; người lành khi chết, thì linh hồn phải giam cầm ở nơi kia, tên là ngục tổ tông, mà đợi ơn cứu chuộc Chúa đã hứa. Ngục tổ tông nầy là nơi tối tăm buồn bực, ở đó phải khát khao, trông ước liên tiếp, chẳng chút quên nghỉ. Vì hễ đứng làm người, khi đã hết đời ở thế gian, thì hằng bức tức muốn tìm về cùng Chúa sanh thành là phước thật mình ngó thấy. Bởi đó ngục tổ tông nầy cũng gọi đặng là hình bóng hoả ngục, vì sự khát khao trông ước thấy Chúa khi còn ở ngục tổ tông là đều nặng nề khốn cực, chẳng khác chi một hình phạt ở hoả ngục vậy. Những

linh hồn các thánh tổ tông trước Chúa cứu thế ra đời, phải giam cầm ở ngục tổ tông nầy đã lâu đời, hằng ngóng trông ơn cứu chuộc đem đến, thì kỳ nầy đã mở bực ra xem thấy sự vui mừng minh hằng khát khao chờ đợi thẩm thẩm đã bấy lâu.

Khi Đ. C. Giêsu đã làm việc chuộc tội đã huờn tất, và tắt hơi trên cây thánh giá, thì linh hồn Người xuống ngục tổ tông, viếng thăm linh hồn các thánh tổ tông ở đó đang khát khao trông đợi, khi các thánh ấy thấy Chúa đến, thì đặng nở nang vui mừng, dầu chưa đặng vào thiên đàng. Mà đã thấy Chúa thiên đàng đến, thì đặng no đầy phỉ sức như đã vào đến nơi, vì Đ. C. Giêsu là Đ. C. Trời thật, gồm no mọi ơn phước, đến viếng thăm, thì ơn phước Người thấm ra đầy lòng kẻ trông cậy.

Vã lại khi Đ. C. Giêsu mới chết trên cây thánh giá thì mồ mả mở ra, nhiều người trong các thánh ấy đã hiện tỏ trong thành Giêrusalem cho nhiều người xem thấy, sự ấy là phép lạ Đ. C. Trời làm mà tỏ ra oai quờn Chúa cứu thế, và tỏ ra sự vui mừng ơn cứu chuộc đã đến trong thế gian mà thôi. Song các thánh ấy chưa lên thiên đàng, còn ở nơi ngục tổ tông vui mừng và đợi chờ khi Đ. C. Giêsu sống lại,

khởi hoàn về trời, thì mới đem mình theo vào chốn tiêu diêu. Ấy sự Đ. C. Giêsu xuống ngục tổ tông là chỉ linh hồn Đ. C. Giêsu đã xuống nơi ngục tổ tông mà viếng thăm linh hồn các thánh.

Mà ta cũng đoán rằng : linh hồn Đ. C. Giêsu cũng đã xuống nơi luyện ngục, mà viếng thăm an ủi những linh hồn các kẻ lành còn phải chịu phần phạt tạm về tội nhẹ, còn đang phải luyện phạt ở đó, kẻ đáng tha thì cho khỏi phạt ; kẻ còn thiếu phần đền, thì Chúa giảm bớt an ủi.

Ta lại đoán rằng : khi ấy linh hồn Đ. C. Giêsu cũng đã xuống nơi hoả ngục mà tỏ ra phép công thẳng mà đoán phạt cho những linh hồn kẻ có tội đang chịu hình phạt ở đó ; vì Đ. C. Giêsu là Đ. C. Trời thật, kẻ lành thấy Người thì đặng phước ngon ngọt, vui mừng, mà kẻ có tội thấy Người thì phát kinh oai, khiếp sợ đau đớn ghê cực hơn các giống hình phạt.



Bây giờ giảng về Đ. C. Giêsu ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại, kể từ ngày chết mà đi, thì Chúa sống lại trong ngày thứ ba ; mà kể theo ngày trong tuần, thì Chúa sống lại

trong ngày thứ nhứt, nghĩa là ngày Chúa nhựt. Đ. C. Giêsu chết chiều ngày thứ sáu, kể làm ngày thứ nhứt, qua ngày thứ bảy, kể làm ngày thứ hai, đến nửa đêm qua sáng Chúa nhựt, kể làm ngày thứ ba, chưa đủ ba ngày mà cũng phải kể vào số ngày thứ ba.

Xưa Đ. C. T. dựng nên trời đất trong sáu ngày đến ngày thứ bảy thì thôi việc tạo hoá, cùng cho người ta làm việc phần xác trong sáu ngày, mà cấm việc xác ngày thứ bảy, dạy để ngày ấy làm ngày thánh, mà cảm nhớ ơn sanh thành cho đặng thờ Chúa riêng hơn. Các đời trước Đ. C. Giêsu sinh ra, thì thiên hạ giữ ngày thứ bảy nghiêm nhặt lắm. Ai phạm ngày ấy thì phải đem ra ném đá mà giết đi. Mà sau Đ. C. Giêsu đã sống lại trong ngày thứ ba là ngày sau thứ bảy, thì Hội-thánh đã đem luật giữ ngày thứ bảy đời trước qua ngày sau ấy để làm ngày thứ nhứt, rày ta gọi là ngày Chúa nhựt; cùng cấm nhặt việc xác ngày Chúa nhựt, có ý cho bổn đạo để ngày ấy, mà cảm nhớ ơn sanh thành, và công ơn cứu chuộc, mà khâm sùng, thờ lạy tạ ơn Chúa riêng hơn các ngày khác. Chúa dựng nên các ngày cho ta đặng hưởng sự sáng đời nầy, cùng cho ta chẵn sáu ngày, mà ngày sau hết thì đòi

lại. Ắt là Chúa đã ở rộng cùng ta đã năm sáu phần, mà ta hẹp dạ cùng Chúa một phần sau hết thì tội vô ân ấy chẳng phải là tội đáng ném xuống hoả ngục sao ? Vì ơn sanh thành dưởng dục phần xác và ơn cứu chuộc nuôi dưỡng linh hồn là hai ơn trọng cho ta cả đời nầy và đời sau thảy thảy.

Vã lại Đ. C. Giêsu đã chịu chết thật vì tội loài người ta, vì Người trút linh hồn đã quá hai ngày, cho nên Người đã chắc kể vào sổ kẻ chết. Nào có ai trong thế gian tắt hơi đã qua hai ngày, mà còn nói đặng người ấy chưa chết sao ? Vậy trong đêm ngày thứ ba, xác Đ. C. Giêsu còn nằm trong huyệt đá, niêm cẩn canh nhặt, thì Người lấy phép tắc mình hiệp linh hồn vào xác, sống lại ra khỏi huyệt. Ấy là đều quá sức tự nhiên, vì Đ. C. Giêsu là D. C. Trời thật, có phép tắc. Dầu mà Chúa đã ra khỏi huyệt song huyệt còn lấp hoàn đá lớn kín hết, và niêm cẩn còn y như vậy.

Chiều ngày thứ bảy, thì các người nữ nhơn đức có lòng thảo kính đã đem thuốc thơm đến mồ, mà chực xức xác Chúa. Mà khi Đ. C. Giêsu đã ra khỏi huyệt, thì phát động đất nơi ấy hung lắm vì có một Thiên thần trên trời xuống đó, lại lật hoàn đá lấp trên mồ ra

và ngồi trên hoàn đá ấy. Mặt loà như chớp và áo trắng như tuyết. Quân canh mồ vừa ngó thấy, thì phát mất vía, kinh oai chết đứng.

Thiên thần phán cùng các người nữ rằng : các bà chớ sợ, ta biết các bà đi tìm Đ. C. Giê-su. Chẳng có Người đây, Người đã sống lại rồi, như lời Người đã phán khi trước. Hãy lại đây mà coi huyệt chôn Người, và hãy chạy đem tin cho các môn đệ Người hay ; Người đã sống lại, và các bà hãy đến xứ Galilêa, thì gặp Người.

Vậy các người nữ ấy lật đật lui ra khỏi mồ và mừng, và sợ, chạy đem tin cho các môn đệ Chúa. Tức thì Đ. C. Giêsu đón các bà ấy giữa đàng mà nói rằng : Ớ chúng con. Thì các bà ấy hôn chơn Chúa và thờ lạy. Đ. C. Giêsu mới phán rằng : Chúng con hãy đem tin cho các môn đệ thầy hay, và hãy đến trong xứ Ga-lilêa, thì gặp thầy ở đó.

Vậy mười một tông đồ đã tề tựu đến xứ Galilêa, tới núi kia là nơi Đ. C. Giêsu đã chỉ phán khi Người còn sống, thì đã gặp Chúa và thờ lạy Người.

Sự Đ. C. Giêsu sống lại là đều đức tin cả thể, kẻ có đạo phải tin. Nếu chẳng tin Đ. C. Giêsu sống lại, thì giữ đạo vô ích, vì giữ đạo

là chỉ quyết trông ngày sau đặng sống lại mà theo Đ. C. Giêsu vào nơi vinh hiển, hiệp làm một cùng Người.

Vã lại Đ. C. Giêsu đã sống lại, thì có nhiều lý chắc phải tin : Một là Đ. C. Giêsu là Đ. C. Trời thật, có phép tắc làm đặng mọi sự. Hai là Đ. C. Giêsu đã làm cho kẻ chết sống lại : kẻ đã đem đi chôn, kẻ đã chôn trong mồ, dã vưng phép Người mà sống lại ; làm cho kẻ khác sống lại đặng, mà sao làm cho mình sống lại chẳng đặng ? Ba là khi Đ. C. Giêsu còn sống thì dã nói trước mình sống lại, và sống lại thì đi trước các dầy tớ đến xứ Galilêa, và cũng đã có như vậy. Ai mà nói đặng trước cho y như vậy ? Bốn là dầu khi Đ. C. Giêsu đang chịu cực, dầu khi đã chết rồi, thì đều có những đều lạ, quá lẽ tự nhiên, làm chứng Người là Chúa phép tắc làm nên mọi sự.

Kìa Đ. C. Giêsu là Đ. C. Trời thật, mà đã chịu gian nan, khốn khó, chịu chết vì chúng ta, và Đ. C. Giêsu là người ta thật, đã sống lại đầu hết trong loài chúng ta, cho đặng đem chúng ta về nước Người. Mà chúng ta là phàm trần sinh ra ở nơi khốn khó, mà tránh sự khó sao đặng ?

Vậy thì chúng ta hãy bằng lòng chịu khó,

hãy giữ điều răn Đ. C. Giêsu cho hết lòng, cho ngày sau đặng sống lại theo Đ. C. Giêsu vào nơi thanh nhàn hằng sống đời đời.



ĐIỀU THỨ SÁU

Kinh Tin kính rằng : *Lên trời ngự bên hữu Đ. C. Cha phép tắc vô cùng.*

Khi Đ. C. Giêsu chết trên cây thánh giá, thì việc chuộc tội thiên hạ Người đã làm hoàn tất. Đ. C. Giêsu sống lại rồi, thì đã đến chừng Người ngự về trời trở lại cùng Đ. C. Cha là Đấng đã sai Người. Người ở thế gian đã ba mươi ba năm, song khi sống lại, thì Người còn ở thế gian ít ngày mà làm cho lòng người ta đặng vững tin Người đã sống lại thật, và dọn sửa cho trọn đủ căn bổn đạo Người dưới thế gian nầy. Vậy Người còn ở thế gian nầy bốn mươi ngày, và năng tới lui cùng các thánh tông đồ, chúc ban sự bằng an cho các ông ấy đặng vững tin bền lòng theo việc Người truyền dạy.

Người đã truyền phép thêm sức, cùng dạy các ông ấy phải dọn mình chịu phép ấy trước, cho đặng ơn sức mà làm việc Người dạy làm.

Người truyền phép rửa tội, phép giải tội, truyền phép phong chức mà ban phép cho các ông ấy đặng buộc mở tội người ta.

Người sai các ông ấy đi khắp thế, giảng dạy mà lập Hội-thánh kẻ thờ Đ. C. Trời cùng làm các phép Người đã truyền cho những kẻ tin theo vào Hội-thánh. Ai chịu các phép ấy thì đặng khỏi tội và đặng ơn giúp vì công nghiệp Người ban ra, cho đặng giữ đạo nên và nên thánh.

Người lại truyền đặt ông thánh Phêrô làm đầu cai trị Hội-thánh ấy dưới đất nầy và cầm mực thước chắc chắn đạo Người mà lưu truyền cho kẻ đời sau noi làm, vưng giữ một thể như vậy luôn ; lại phán hứa Hội-thánh ấy chẳng hề sai lầm xiêu hư vì Người hằng ở cùng Hội-thánh cho đến tận thế.

Khi đã đặng bốn mươi ngày, Đ. C. Giêsu đem các tông đồ đến núi Olivêtê, về xứ Bethania. Bấy giờ Người giơ tay chúc phước cho các ông ấy, mà ngự lên trời trước mặt thiên hạ. Tức thì có áng mây kéo đến cùng che khuất mình Người.

Khi các tông đồ còn đang ngó theo Chúa, thì có hai Thiên thần mặc áo trắng hiện ra đứng gần các ông ấy, mà nói rằng : Các ông còn ngó lên trời chi nữa ? Đ. C. Giêsu bây giờ đi lên trời, các ông đã ngó thấy, thì ngày sau Người cũng còn đến nữa.

Mà Chúa khởi hoàn về thiên quốc, thì những linh hồn các tôi tá Chúa ở *Ngục tổ tông* ngày trước đã đặng ơn viếng thăm, nhiêu xá, khi ấy thảy đều theo Chúa vào thiên cung lạc phước vô cương.

Lại trong điều thứ sáu nầy nói Đ. C. Giêsu lên trời thì ngự bên hữu Đ. C. Cha. Lời ngự bên hữu nầy Đ. C. Trời đã sai dạy thánh tiên tri phán truyền đời trước khi Đ. C. Giêsu chưa sinh ra, để cho đời sau đặng biết : khi Đ. C. Giêsu ngự về trời, thì quờn phép Người cao trọng trên hết mọi loài dưới Đ. C. Trời. Như khi Người sống lại thì phán rằng : Các phép trên trời dưới đất Đ. C. Cha đã ban cho Ta.

Vậy tiếng bên hữu là chỉ sự cao trọng, vì bên hữu là bên trọng hơn. Vua đời nầy muốn cho quan nào bực nhứt phẩm, thì quan ấy gọi là hữu thần, hay là đặt con lên thái tử, thì con ấy ngồi bên hữu vua.

Mà tiếng ngự bên hữu Đ. C. Cha, chẳng phải là bên hữu thật như trước mắt người thế gian, vì Đ. C. Cha là thiêng liêng, không có xác, chẳng biết đâu là tả hữu, song bên hữu là chỉ quờn cao trọng Đ. C. Giêsu, vì Đ. C. Giêsu đã vưng lời Đ, C. Cha cho đến chết ; cho nên Đ.

C. Cha yêu mến Người lắm, và đã nhắc Người lên quờn cao trọng trên hết muôn loài trên trời dưới đất, các thánh Thiên thần, các thánh nam nữ trên trời dưới đất, cùng ma quỉ, đều phải tôn phục, thờ lạy dưới chơn người.

Hoặc ai hỏi rằng : Đ. C. Giêsu ngự trên trời mà việc ăn uống Người thề nào ? Đồ ăn, nước uống ai để trên ấy ? Sự ấy chẳng khó gì, vì Chúa phép tắc vô cùng làm đặng mọi sự. Song phải biết đều nầy : Người ta khi ở thế gian, thì phải có ăn uống, mới sống đặng. Mà khi đã chết, và Chúa đã làm cho sống lại, mà qua đời khác, hoặc ở thiên đàng hay là hoả ngục, thì đổi qua tính khác, chẳng còn ăn uống nữa ; mà cũng là người ta thật linh hồn và xác như trước, và hằng sống luôn, chẳng chết nữa. Lại khi đã sống lại, thì xác ra lẹ kíp, thông phúng các nơi, cũng như khi Đ. C. Giêsu sống lại, thì ra khỏi huyệt mà huyệt còn kín hết và khi các thánh tông đồ hiệp nhau trong một nhà, cửa đóng kín hết, mà Đ. C. Giêsu vào đứng giữa các thánh ấy, cửa không mở, không nơi nào trống. — Bởi đó ngày tận thế loài người ta sống lại ; tựu trường phán xét mau kíp và sống luôn mà chịu thưởng, chịu phạt. Vậy thì bây giờ, Đ. C. Giêsu ngự trên trời,

chẳng còn ăn uống như khi ở thế gian, mà cũng là người ta thật như khi Người còn ở thế gian.

Vã lại Đ. C. Giêsu ngự trên trời, mà hằng ngày Người hằng xuống thế gian, ngự trong phép Thánh-thể, vì khi tế lễ, mà kẻ có quyền tế lễ thật, đọc lời Đ. C. Giêsu đã truyền dạy, tức thì có Đ. C, Giêsu ngự trong hình bánh và bánh trở nên Đ. C. Giêsu thật, như khi Người còn ở thế gian, linh hồn và xác, và có tính Đ. C. Trời thật, vì Đ. C. Giêsu là Đ. C. Trời thật, là người ta thật. Dầu mắt chẳng thấy Đ. C. Giêsu song phải tin thật như vậy, vì Chúa chơn thật đã phán truyền sự ấy. Mà đã có nhiều lần Đ. C. Giêsu đã cho nhiều người thấy trong hình bánh có Đ. C. Giêsu là người ta thật, sáng láng, tốt lành. Đức tin dạy phải tin Đ. C. Giêsu sống lại, thì đã ngự lên trời và xác và hồn, hằng sống đời đời, cao trọng trên hết muôn loài thảy thảy.

Loài người ta hãy coi : Trước không có Đ. C. Giêsu ngự trên trời, mà bây giờ Đ. C. Giêsu ngự trên trời. Từ trước đời đời trên trời không có người ta, mà khi Đ. C. Giêsu sinh ra chịu chết và sống lại thì có người ta ở trên trời là Đ. C. Giêsu.

Đ. C. Giêsu là Đ. C. Trời thật, mà Đ. C. Trời là Đấng thiêng liêng phép tắc, chịu sinh ra làm người ta cho đặng cứu lấy người ta. Vậy thì loài người ta chẳng phải là loài trọng lắm sao ? vì bởi loài người ta, thì Chúa thiên đàng, thiêng liêng trọn tốt, chịu sinh ra làm người ta, chịu cực, chịu chết, mà cứu loài người ta, đem lên thiên đàng. Chẳng phải loài người trọng lắm sao ?

Vã lại rày Đ. C. Giêsu ngự trên trời, mà hằng ngày hằng xuống thế gian ngự trong phép Thánh thề, cho đặng ngự vào lòng người ta mà ban ơn giúp người ta lên thiên đàng. Chẳng phải loài người ta có phước lắm sao ? Trên trời dưới đất, có loài nào uốn lòng Chúa thương xót mình đặng như vậy sao ? Mà nếu ngày sau chẳng đặng lên thiên đàng, thì công Chúa sanh thành, cứu chuộc, ban ơn, chẳng phải là uổng lắm sao ? Và tội vô ân bội ngãi, cùng khinh phá phước mình, chẳng phải đáng lắm sao ? Không chịu lên thiên đàng hưởng phước mà tìm xuống hoả ngục chịu phạt, chẳng phải là dại lắm sao ?



ĐIỀU THỨ BẢY

Kinh Tin kinh rằng : *Ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.*

Ngày sau là ngày tận thế. Ngày tận thế là ngày người ta hết ở đời nầy, và cả thế gian, muôn loài, muôn vật đều phải tiêu tan.

Ngày tận thế nầy Đ. C. Giêsu đã phán trước, phải có. Ngày ấy cả loài người ta phải sống lại hết và Đ. C. Giêsu sẽ ngự xuống thế gian, cứ phép công thẳng làm việc thưởng phạt mọi người. Vua đời nầy còn phải giữ việc thưởng phạt cho ngay thẳng cùng dân, mà vua cả trời đất chẳng soi bày tối sáng hư thiệt muôn dân trong thế gian Người sao ?

Nếu chẳng có ngày phân chia lành dữ, thưởng công phạt tội giữa chốn công pháp, thì lẽ công sao cho đủ ? Vì khi còn sống, kẻ làm lành mang dữ, kẻ làm dữ lại đặng lành, bởi mưu sâu thế ít, cùng những trung thần, hiếu tử, bị thiệt, và tôi loàn con giặc gặp may, mà cũng điềm nhiên, không thấy Chúa phân nói lời gì, đến khi chết, cũng đề tối tăm khuất lấp như vậy, thì phép công sao cho hiểu lý ?

Lại Đ. C. Giêsu đã chịu loài người ta làm sỉ nhục, gian ngược, giết Người như tôi tá rốt hèn, mà từ Người sống lại cho đến rày, thì quá hơn ba phần loài người ta cũng là khinh để chẳng nhìn biết Người, mà chẳng có ngày nào Người ngự đến oai nghi, cao trọng cùng lấy phép công thẳng giữa loài người ta, cho người ta biết thì Chúa chẳng phải là thua thiệt lắm sao ? Nếu vậy chẳng phải là Chúa bị lắm, mà người ta qua Chúa xa lắm sao ?

Vậy đã nhứt định có ngày tận thế, mà tỏ bày phép cả cao trọng Đ. C. Giêsu và phước vinh hiển vui mừng kẻ lành, cùng những đều sỉ nhục, tội ác kẻ dữ đem ra giữa sáng trước mặt mọi người cho hiểu lý Chúa là đấng chí nhơn và chí công.

Các ngày từ tạo thiên lập địa cho đến tận thế là ngày Chúa lấy lòng chí nhơn, hằng ban ơn nuôi giúp xác và soi giục linh hồn mà đợi chờ người ta làm lành lánh dữ, còn ngày tận thế là ngày chí công, vì Chúa lấy phép thẳng mà soạn tính các ngày chí nhơn lại, việc lành việc dữ thưởng phạt nghiêm nhặt.

Chúa cho biết có ngày tận thế, để cho người ta lo thân mà làm lành, song chẳng cho biết chắc khi nào đến ngày ấy. Vì biết chắc

ngày giờ ấy, chẳng phải là phương giúp làm lành lánh dữ, mà lại sinh hại nữa. Vì biết năm tháng đã gần, thì thôi bỏ việc bổn phận Chúa dạy mỗi người phải lo cho mình, cùng lo cho kẻ thuộc về mình, lại biết sự dữ đã đến gần, thì chết trước cho khỏi gặp các ngày ấy.

Cũng như Chúa cho biết có thiên đàng là chốn gồm đủ các phước, đề kẻ lành hưởng đời đời, cùng cho biết hoả ngục là nơi chứa đầy sự cực, đề kẻ dữ chịu phạt đời đời. — Mà chẳng cho ai tới thiên đàng trước, xem chơi cho biết, vì nếu cho xem, thì cũng phải cho hưởng, mới biết đủ. Mà hưởng như vậy là nghịch lý, vì công chưa có, chạy chưa đến nơi, mà đã ngồi trước nơi cao thưởng công. Lại cũng chẳng cho ai đến hoả ngục coi thử cho biết sự dữ, vì cho coi, thì cũng phải chịu sự dữ mới được, mà chịu sao đặng? Múc dầu sôi đổ thử vào họng, có ai ưng thử chăng? Chưa đến ngày chí công, mà đã phạt trước thử là sao?

Chúa cho trí khôn biết luận rằng : có nợ thì phải trả, thì đã đủ mà biết chắc có thiên đàng, đề mà thưởng như trả cho kẻ đã có công làm lành, cùng phải có hoả ngục, đề phạt như trả cho kẻ đã uổng phí công ơn sanh thành cứu chuộc. Vậy có ngày tận thế, mà tính

cho xong phần vinh phước kẻ về thiên đàng, cùng giương bày đều sỉ nhục kẻ xuống hoả ngục, cho công bình tỏ rõ giữa mặt mọi người, lại cho quờn cả Chúa cứu thế hiển vinh loà khắp giữa chốn hội hiệp mọi người đủ mặt. Phải chi thế gian là người lành hết, thì ngày tận thế là ngày cả phước, cả mừng, đáng muốn, đáng trông. Mà bởi thế gian, người dữ quá số, nên ngày ấy cả kinh cả sợ.

Trước tận thế sự dữ sinh ra trong thế gian ghê gớm quá đỗi. Mà sự dữ tràn ra cùng trái đất mau như tên bắn, cùng như chớp phát phía đông, tức thì loà tới phía tây.

Từ đầu phương trời chí rốt thế giái, bốn phương dưới đất đều phải khốn cực run sợ. Kìa muôn dân các nước đều khỉ loạn, giành đánh nhau đêm ngày. Phương đông, phương tây đều có giặc, phương nam, phương bắc, bốn phương binh gia, khí giái dập dều, máu nọ rơi lai láng, thây chất đầy nơi.

Đã có giặc chung, lại thêm có giặc riêng. Kìa cha con nghịch nhau, vợ chồng, anh em chia ghét nhau, lòng thương lẽ thuận chẳng còn như khi thái bình nữa.

Những người thai nghén, những kẻ già cả, cùng những con trẻ, bé thơ, sống trong

lúc ấy, thật là vô phước, phải nép mình, khô héo chờ đợi.

Ngày ấy thật là đảo huyền, nắng lửa mưa dầu, đói khát gầy guộc, coi chẳng còn nên con người nữa.

Lại thêm thần khí, bịnh tật lạ lùng phi thường khắp nơi.

Người hại người, lại thêm vật hại người. Thú dữ loài hung trên rừng dưới biển, tuôn ra giết hại nhơn dân.

Ma quỉ hiện bày hình nọ thế kia, ám phá loài người.

Kìa quỉ cả ra đời có binh sức, xưng mình là chính Chúa cứu thế bởi trời. Dạy ép phải nghe theo đạo mới, cùng thôi bỏ đạo lành Đ. C. Giêsu đã truyền. Ai tin theo thật là vô phước đời đời.

Càng ngày càng thêm dữ. Đêm ngày nghe những tiếng ầm ầm, chuyển động dưới đất, van rên lói óc lạnh mình. Nhiều chỗ trong thế gian sập lủn, thành hồ sâu vực cả, thâu nuốt nhơn vật.

Từ tạo thiên lập địa cho đến khi ấy, chẳng có cơn dữ nào hung như vậy, vì oai cả Chúa trời giận ghét tội nhơn, phạt chung cả thể. Quá nửa phần thiên hạ phải tiêu hao

trước ngày phán xét. Chết vì sự sợ, chết bởi tai ương, nhiều nơi sinh ra sự chết.

Mà chẳng biết những ngày ấy là bao lâu, song Đ. C. Giêsu đã phán hứa, sẽ vì kẻ lành mà thâu bớt số những ngày ấy cho mau rồi. Kìa trên trời bày ra dấu lạ Chúa cứu thế gần đến. Các dòng dõi thế gian đều phải kêu van khóc lóc. Mặt trời ra đỏ như máu, mặt trăng mất sáng. Các ngôi sao trên trời sa xuống đất, bỗng chúc cả thế gian phải đốt ra tro mạt.

Khi ấy Đ. C. Giêsu bởi trời ngự xuống thế gian phán xét kẻ sống và kẻ chết, kẻ sống nghĩa là những kẻ còn sống khi ấy, đều phải chết hết, như các người đã chết, vì sự chết là bởi tội mà sinh ra.

Mà khi ấy Đ. C. Giêsu ngự xuống trong áng mây, có thánh giá đi trước rực rở, các đạo binh Thiên thần chầu chực nghiêm hành, oai nghi Chúa cả bày ra sáng loà trên trời dưới đất. Thiên thần thổi loa van lừng, kêu thức cả loài người ta từ tạo thiên lập địa cho đến khi ấy, đều phải sống lại hết trước toà phán xét. Cùng phân kẻ lành đứng bên hữu, kẻ lành ấy cũng chỉ là kẻ sống, vì đặng phước hiệp cùng Chúa hằng sống. Mà kẻ dữ rẽ ra đứng bên tả.

Đ. C. Giêsu là Đ. C. Trời thật, có phép tắc vô cùng. Người là sự sáng vô cùng ngự giữa toà oai nghi thì sự sáng Người soi bày các sự tối tăm. Tức thì các đều lành, đều dữ hai bên tả hữu bày ra rõ ràng một lược. Kẻ lành đứng trước mặt Chúa, thì vinh hiển vui mừng, mà kẻ dữ phải kinh oai, xấu hổ, thấm đau cả linh hồn và xác.

Bấy giờ Chúa phán khen kẻ lành, cùng ban phước theo mình. Chúa lại quở phạt kẻ dữ, đuổi xuống hoả ngục. Tức thì đất mở ra nuốt những kẻ vô phước xuống hoả ngục và hồn và xác. Mà kẻ lành sáng láng, theo Chúa khởi huờn về trời hằng sống hằng vui đời đời.

Đức tin dạy phải tin có ngày tận thế, loài người ta phải chịu phán xét. Mà phán xét, thì hai toà : một là tận thế phán xét riêng, là một người khi linh hồn lìa xác, thì phải đến trước toà Đ. C. Giêsu mà chịu phân đoán phước tội cho mình đời đời. Hai là đến ngày tiêu huỷ cả thế gian, thì mọi người đều sống lại tựu toà oai nghi Chúa cả Giêsu mà lãnh phần vinh hiển sỉ nhục đời đời.

Ấy là Đ. C. Giêsu đã phán chỉ, trời đất qua mà lời Chúa phán chẳng sai. Mà hễ là toà trước đậu thì toà sau cũng chắc đậu. Và hễ là

ản đoán phần đã chỉ quyết, thì đời đời chẳng hề đổi. Bởi đó ai nấy khá ra sức làm lành, lánh dữ ở đời nầy, cho linh hồn đặng nhờ phần phước khi lìa khỏi thế, hầu đến ngày tận thế đặng phước vinh hiển cùng những người lành, theo Đ. C. Giêsu về quê thật nghỉ an đời đời.

ĐIỀU THỨ TÁM



Kinh Tin kính rằng : *Tin kính Đức Chúa Thánh Thần.*

Điều thứ tám nầy giảng sự mầu nhiệm Đ. C. Trời ba Ngôi. Mầu nhiệm nghĩa là đều kín khuất, thích lý không đặng, mà chẳng phải là đều hư quấy, song là đều chính trọng. Chúa ba Ngôi ẩn sự mầu nhiệm bổn tính mình chẳng cho ai hiểu thấu, vì ta còn ở trong xác phàm chẳng đáng hiểu sự cao trọng Chúa chí tôn, lại xác phàm hay hư nát, mà đo lường Chúa thiêng liêng sao đặng ? Lấy chén nhỏ mà múc cho cạn nước biển, thì múc sao cho hết đặng ? Chúa chơn thật đã truyền dạy phải tin sự mầu nhiệm ba Ngôi, thì chẳng đáng cho ta tin sao ? Xưa nay muôn muôn vàn người nhơn đức, những thánh cả, đã đặng ơn Chúa mà làm nhiều phép lạ, đã tin vững vàng Đ. C. Trời ba Ngôi, như Chúa đã truyền dạy. Thì những người vô số ấy, có phải là tin lầm đặng sao ? Hay là những người ấy có phải là ít trí hết thảy không ai biết luận xét sao ?

Sự mầu nhiệm một Chúa ba Ngôi, là chính

một mối cả trong đạo, ai nấy phải tin vững vàng, cho đặng tìm về cùng Chúa ba Ngôi, là phước thật mình phải tìm. Dầu tin vững vàng các đều khác, dầu tích đức tu nhơn trọn đời đến đỗi hết của tồn thân, mà chẳng tin sự mầu nhiệm Chúa ba Ngôi, thì tích đức uổng công, chẳng đặng phước gì trong đời thẳm thẳm vô cùng.

Đ. C. Thánh Thần là Ngôi thứ ba, là một Ngôi trong ba Ngôi thiên Chúa. Mà ba Ngôi thiên Chúa là như vầy : Ngôi thứ nhứt là Đ. C. Cha, mà Đ. C. Cha sinh ra Đ. C. Con ; mà Đ. C. Con là Ngôi thứ hai, và Ngôi thứ ba là Đ. C. Thánh Thần, mà Đ. C. Thánh Thần là bởi Ngôi thứ nhứt và Ngôi thứ hai mà ra.

Dầu vậy mà ba Ngôi bằng nhau hết, bằng nhau sự vô cùng, bằng nhau sự thiêng liêng, bằng nhau sự phép tắc, bằng nhau sự ở khắp mọi nơi, bằng nhau sự thông biết mọi sự, bằng nhau sự tốt lành. Hãy nhớ lại điều thứ nhứt nói về bổn tính Đ. C. Trời ba Ngôi, là Chúa hết, nói rằng : Đ. C. Trời Ngôi thứ nhứt, Đ. C. Trời Ngôi thứ hai, Đ. C. Trời Ngôi thứ ba. Dầu vậy mà chẳng phải là ba Đ, C. Trời, song phải nói rằng : một Đ. C. Trời ba Ngôi mà thôi. Lại ba Ngôi hiệp một ý nhau luôn,

nghĩa la ba Ngôi hằng thương yêu nhau, hằng muốn sự lành, hằng chê sự dữ, hằng thuận hiệp nhau trong mọi việc làm.

Ngôi thứ nhứt có một tánh là tánh Đ.C. Trời thiêng liêng phép tắc. Ngôi thứ hai có hai tánh, là tánh Đ. C. Trời thiêng liêng phép tắc như Ngôi thứ nhứt, và thêm có tính người ta nữa, vì Ngôi thứ hai đã ra đời làm người ta, có linh hồn có xác như loài người ta, tên là Giêsu.

Lại dầu mà Ngôi thứ hai ra đời thêm có tánh người ta, song tánh Đ. C. Trời còn y như trước, chẳng mất chẳng bớt. Và Ngôi thứ ba có một tánh thiêng liêng phép tắc như Ngôi thứ nhứt và Ngôi thứ hai. Dầu mà ba Ngôi cũng là Chúa đồng sanh thành thiên địa, thần nhơn, vạn vật, song ba Ngôi có việc làm riêng hơn tỏ ra ngoài. Việc dựng nên trời đất, sanh thành nhơn vật, là việc riêng chỉ về Ngôi thứ nhứt hơn, việc ra đời cứu chuộc loài người ta là việc riêng chỉ Ngôi thứ hai hơn, dầu mà Ngôi thứ hai cũng là Chúa dựng nên muôn loài. Việc soi sáng ban ơn cho loài người ta là việc riêng chỉ về Ngôi thứ ba hơn, dầu mà Ngôi thứ ba cũng là Chúa đồng vinh hiển cùng Ngôi thứ nhứt, Ngôi thứ hai, trên trời dưới đất đều phải thờ lạy.

Nói rằng : Việc riêng tỏ ra ngoài, mà chẳng nói rằng : Việc làm riêng cho mình, vì ba Ngôi hằng hiệp nhau luôn trong mọi việc. Giả như việc ra đời cứu chuộc loài người ta là việc chỉ riêng Ngôi thứ hai, song ba Ngôi đều hiệp nhau hết. Vì ngôi thứ nhứt thương xót loài người ta, đã hứa cho ngôi thứ hai đến cứu, và đã sai Ngôi thứ hai ra đời. — Mà khi Ngôi thứ hai xuống chịu đầu thai, thì Ngôi thứ ba xuống phép tắc trong việc đầu thai. Mà khi Ngôi thứ hai đã ra đời, là Đ. C. Giêsu, thì Ngôi thứ nhứt, là Đ. C. Cha, đã mở trời ra mà phán rằng : Nầy là Con Cha yêu dấu.

Và Đ. C. Cha hằng ở cùng Đ. C. Giêsu luôn, vì Đ. C. Giêsu đã phán rằng : Đ. C. Cha ở trong Ta và Ta ở trong Đ. C. Cha. Và Đ. C. Thánh Thần đã xuống đầy dẫy trong Đ. C. Giêsu cùng đã đem Đ. C. Giêsu lên rừng dọn mình mà ra giảng dạy thiên hạ.

Mà khi Đ. C. Giêsu ở thế gian, thì năng nhắc chỉ về Đ. C. Thánh Thần và khuyên dạy loài người ta phải chịu ơn Đ. C. Thánh Thần. Vậy thì Đ. C. Trời ba Ngôi hằng hiệp nhau trong mọi việc, và hằng tỏ riêng việc làm mà thương xót loài người ta.

Việc Đ. C. Thánh Thần làm cho người ta

là soi sáng cho biết đàng lành, xui giục làm phước, lánh tội, và ban ơn yêu mến việc lành ; mấy ngàn năm trước Đ. C. Giêsu ra đời, thì Đ. C. Thánh Thần hằng soi sáng cho các thánh tổ tông biết đàng lành, mà nhìn biết Chúa thật, cùng xui giục làm lành lánh dữ. Vã đã soi cho các thánh tiên tri biết những việc cao xa, nói đặng những sự hậu lai, và chép đặng những sự mầu nhiệm chỉ về Chúa cứu thế ngày sau ra đời. — Đ. C. Thánh Thần hằng soi sáng các thánh đời trước ấy làm lành lánh dữ, và kính mến Chúa trọn đời. Mà khi Chúa cứu thế, là Đ. C. Giêsu đã ra đời, thì Đ. C. Thánh Thần hằng soi sáng cho loài người ta biết đàng lành là đạo Đ. C. Giêsu cùng xui giục làm lành lánh dữ, và ban ơn yêu mến Chúa, cùng ái-mộ việc lành. Biết là mấy muôn ngàn người đã đặng ơn Đ. C. Thánh Thần soi giục, mà đã bỏ đạo bụt thần, dị đoan, mà trở lại nhìn biết cùng theo đạo thật Đ. C. Giêsu và đã từ bỏ các sự thế gian ưa muốn, bỏ các tính xấu, hung dữ, kiêu căn, tham lam, dâm dục, mà ăn ở theo phép đạo lành truyền dạy.

Đ. C. Thánh Thần là tổ sự thật, đã soi cho các thánh tông đồ, thấu biết các sự Đ. C. Giêsu đã phán khi còn ở thế gian, là sự thật.

Nếu không có Đ. C. Thánh Thần ở cùng các thánh tông đồ, thì các thánh ấy lấy trí đâu mà hiểu biết cho hết lẽ cao xa đạo Chúa ? Lấy sức đâu mà chịu khó gian nan trong việc giảng đạo ? Lấy ơn đâu mà vui lòng chịu chết vì đạo ?

Đ. C. Thánh Thần là đấng an ủi lòng người ta rất mạnh. Hằng an ủi các thánh tử đạo, cho đặng bền chí, an lòng chịu chết, mà giựt mũ triều thiên trên trời.

Đ. C. Thánh Thần hằng nói những sự khôn ngoan vững vàng trong miệng những kẻ chịu bắt vì đạo, phải tra hỏi trước mặt vua quan ; như lời Đ. C. Giêsu phán rằng : trong giờ ấy chẳng phải chúng con nói, song Đ. C. Thánh Thần dùng miệng chúng con mà nói.

Đ. C. Thánh Thần hằng ở khắp mọi nơi, an ủi kẻ âu lo, giúp kẻ có lòng muốn trở lại, làm cho kẻ có tội kinh sợ, muốn cải quá, gìn giữ kẻ lành cho đặng bền lòng.

Đ. C. Thánh Thần hằng rưới ơn phước xuống trong các phép bí tích. Nhứt là kẻ chịu phép thêm sức, thì Đ. C. Thánh Thần hiện đến, ban vào lòng sự khôn ngoan cho đặng chê ngán sự đời nầy, mà yêu mến một Đ. C. Trời và ham muốn những sự đẹp ý Đ. C. Trời,

cùng ban trí hiểu cho đặng thấm biết lẽ đạo Chúa là lẽ chơn thật. Ban cho lòng lo liệu mà chọn sự lành, và lánh sự dữ, cùng ban sức mạnh mà chịu khó cho đặng rỗi linh hồn. Ban cho lòng biết toan liệu, mà dùng những sự đời nầy cho phải phép kẻo sinh tội, cùng ban lòng nhơn đức mà ái mộ việc thờ phượng Đ. C. Trời.

Việc Đ. C. Thánh Thần làm mà đem người ta lên thiên đàng là việc thương xót cả thể, hằng giây, hằng phút, hằng có luôn trong thế gian. Ai có lòng tin muốn thì đặng phước, ai khinh chê, thì chẳng còn trách lòng nhơn từ Chúa đặng. Đ. C. Giêsu phán rằng : các tội người ta phạm, dầu phạm đến Đ. C. Con, thì cũng tha đặng, mà kẻ phạm đến Đ. C. Thánh Thần thì chẳng tha đặng, nghĩa là kẻ từ chối ơn Đ. C. Thánh Thần soi giục mà chẳng ăn năn trở lại, thì chẳng khỏi tội đặng. Mà kẻ theo ơn Đ. C. Thánh Thần soi giục, mà ăn năn chừa cãi, dầu tội nặng nhiều thể nào, thì cũng khỏi hết.

Đ. C. Thánh Thần cũng đã lấy hình nọ hình kia mà tỏ ra việc ban ơn. Khi thì lấy hình chim bồ-câu mà hiện đến, vì chim bồ-câu là chỉ sự thật thà, khi thì lấy tiếng gió, lấy

hình lưỡi lửa mà xuống ơn phước, vì gió là chỉ ơn tới mau, đủ khắp ; và lưỡi lửa là chỉ sức soi dạy, cùng sức nóng nảy, ăn năn kính mến.

Xưa các thánh tông đồ cùng những người nam nữ đông lắm ở trong một nhà, đang cầu nguyện, thì Đ. C. Thánh Thần đến có tiếng như gió mạnh tuôn vào, và có lưỡi đỏ như lửa chia ra đồ trên đầu các thánh ấy. Thì những người ấy đã đặng thấm biết lẽ đạo và sốt sắng kính mến Chúa trọn đời. Và các thánh tông đồ đã nói đặng nhiều thứ tiếng khác lạ và vui lòng chịu khó trọn đời và chịu chết vì lòng kính mến Chúa.

Ta hãy coi Đ. C. Trời ba Ngôi thương xót loài người ta đủ cách. Đ. C. Cha sinh dựng dưỡng nuôi, Đ. C. Con dạy dỗ cứu chuộc, Đ. C. Thánh Thần gìn giữ, ban ơn.

Sau hết hằng ngày chúng ta phải kêu xin Đ. C. Thánh Thần soi sáng, xui giục, ăn năn chừa tội, cùng xin ơn giúp ái mộ việc lành khi còn ở đời nầy. Cho đời sau đặng thấy Chúa ba Ngôi trên trời hằng vui mừng hằng hưởng phước, hằng nghỉ ngơi trong sự sáng Đ.C.Cha, Đ.C. Con, Đ. C. Thánh Thần đời đời.



ĐIỀU THỨ CHÍN

Kinh Tin kính rằng : *Tôi tin có Hội-thánh hằng có ở khắp thế nầy, các thánh thông công.*

Điều thứ chín nầy giảng phải tin có Hội kẻ thờ Đ. C. Trời, nghĩa là các bổn đạo ở khắp mọi nơi thế gian nầy, là Hội-thánh thật, hằng có luôn trong thế gian.

Hội-thánh nghĩa là các bổn đạo ở khắp thế gian đều hiệp một bổn cùng nhau trong việc giữ đạo, và vưng lịnh một Đức Giáo-tông là chính đấng làm chủ hội ấy.

Nói rằng : các bổn đạo đều hiệp một bổn cùng nhau trong việc giữ đạo, nghĩa là các bổn đạo đều phải chịu một phép rửa tội, cùng các phép bí tích như nhau, phải tin các lẽ như nhau, và phải giữ các điều răn như nhau.

Lại nói các bổn đạo là thánh, vì các phép bổn đạo chịu là phép thánh, các việc bổn đạo làm mà thờ Chúa là việc thánh, và các đều bổn đạo giữ là đều thánh, lại các bổn đạo ở trong Hội-thánh, thì trông đặng ngày sau nên thánh.

Nói rằng : vưng lịnh một Đức Giáo tông

là chính đấng làm chủ hội ấy. Vì nếu chịu các phép, mà chẳng chịu bởi tay những kẻ Đức Giáo tông sai làm các phép, và tin giữ các đều, mà chẳng vưng theo nghĩa lý mẹo mực Đức Giáo-tông truyền cho các kẻ giảng dạy thì phải bỏ ra khỏi Hội-thánh.

Giáo-tông là một Đức Giám mục trên hết ngự toà thành Rôma, nối quờn Đ. C. Giêsu cai trị Hội-thánh cả thế gian. Khi Đ. C. Giêsu lập Hội-thánh thì phán cùng ông thánh Phêrô tộng đồ rằng : Thầy đặt Hội-thánh Thầy trên con. Thầy ban chìa khoá cửa thiên đàng cho con : con mở cho ai thì nấy đặng vào, con đóng chẳng cho ai vào thì nấy phải bỏ ra. Mà khi Đ. C. Giêsu ngự về trời, thì ông thánh Phêrô nối quờn Chúa làm Giáo-tông, và các thánh tông đồ khác làm giám mục, cùng những kẻ làm thầy cả đều đã vưng lịnh ông thánh Phêrô mà giúp việc đạo thánh Chúa, và đã phong truyền các quờn chức ấy cho kẻ đời sau nối làm như vậy cho đến rày. Vậy thì Giáo-tông các đời sau nối quờn ông thánh Phêrô, và các giám mục, các thầy cả khâm thừa Giáo-tông, là chính đấng giảng dạy coi giữ điều răn Chúa, và phân chia các phép ban ơn Đ. Chúa Giêsu đã lập trong Hội-thánh. Lạ

các đấng ấy cũng có quờn buộc mở phần rỗi người ta nữa, vì Đ. C. Giêsu đã phán cùng các thánh tông đồ rằng : Chúng con buộc ai dưới đất nầy thì trên trời cũng buộc kẻ ấy. Chúng con mở cho ai dưới đất, thì trên trời cũng mở cho kẻ ấy.

Kìa Hội-thánh khắp thế gian vô số đều hiệp một bổn mà giữ những đều lành, đều thánh, thờ một Chúa, vưng lịnh một Giáo-tông làm đầu như vầy, thì chẳng phải là hội thánh thật sao ? Hội-thánh khắp thế gian, phẩm lớn, bực hèn, đều về một bổn, ưng chịu một đấng làm đầu buộc mở như vầy, thì chẳng phải là Hội-thánh thật sao ?

Vã lại Đ. Chúa Giêsu đã sang gánh phần rỗi thế gian trên vai Đức Giáo-tông, đã giao chìa khoá cữa thiên đàng trong tay Giáo-tông, thì Giáo-tông có quờn đủ mà làm các việc, cho thế gian vưng theo cho đặng vào thiên đàng, và ai chẳng vưng, thì phải bỏ ra, vì lý tự nhiên hễ muốn vào, thì phải có kẻ mở cữa mới vào đặng.

Đức Giáo tông có quờn cầm buộc và có quờn mở tha trong cả Hội-thánh. Có quờn chỉ nghĩa chính điều răn Đ. C. Trời và luật phép Đ. C. Giêsu có quờn lập luật, lập phép

thêm trong việc thờ Chúa, bớt đều nọ, thêm lễ kia tùy thì sở tiện, chế biến trong các địa phương thế gian. Có quờn mở kho tàng thiêng liêng công nghiệp Đ. C. Giêsu mà ban đại xá, ân xá cho các con cái Đ. C. Trời ở khắp thế gian. Khi Đức Giáo-tông rao truyền giữa Hội-thánh những đều phải tin, phải giữ, thì chẳng hề sai lầm, vì Chúa nhơn từ chẳng để một người làm đầu chỉ đàng lạc cho muôn vàn con cái Chúa xiêu chìm, lại Đ. C. Giêsu đã phán hứa hằng ở cùng Hội-thánh luôn cho đến tận thế.

Trong Hội-thánh có mười điều răn Đ. C. Trời và sách sấm truyền các thánh tiên tri đời trước Chúa cứu thế. Có bốn sách thánh Êvangêliô, chép ngôn hạnh Đ. C. Giêsu, có sách thơ các thánh tông đồ để truyền những đều tin giữ. Có bảy phép bí tích Đ. C. Giêsu đã lập. Mà bảy phép ấy thì chẳng buộc mọi người phải chịu hết ; song có ba phép chịu đặng một lần mà thôi : là phép rửa tội, phép thêm sức, phép truyền chức thánh, vì ba phép có in dấu thiêng liêng trong linh hồn, nên chịu hai lần thì phạm sự thánh.

Mà Hội thánh có sáu điều luật, có nhiều lễ phép có ích thiêng liêng trong việc thờ Chúa.

Có nhiều phép chuẩn tha cùng nhiều phép buộc giữ. Có phép đại xá, ân xá. Có kính thờ ảnh tượng Đ. C. Giêsu, ảnh Đức Bà, và kính trọng ảnh tượng các thánh.

Vã lại Hội-thánh hằng có ở khắp thế nầy, nghĩa là hằng có luôn trong thế gian đến tận thế, vì Đ, C. Trời nhơn từ vô cùng chẳng để cả thế gian phải mất đàng vào cữa thiên đàng. Mà nếu mất Hội-thánh thì lấy đâu mà giữ cho đặng công, lấy đâu mà chịu cho khỏi tội cùng đặng ơn phước mà vào cho trúng cữa thiên quốc. Lại công trọng vô cùng Đ. C. Giêsu đã chịu chết mà lập Hội-thánh, thì chẳng đủ cho Hội-thánh đặng nhờ cho đến tận thế sao ? Khi Đ. C. Giêsu lập Hội-thánh thì phán rằng : dầu các phép hoả ngục, thì cũng chẳng phá đặng Hội-thánh nầy. Kìa Thầy ở cùng chúng con cho đến tận thế. Bỡi đó ta tin Hội-thánh kẻ giữ đạo Đ. C. Giêsu hằng có ở khắp thế gian cho đến tận thế.

Sau hết trong điều thứ chín nầy nói rằng: các thánh cũng thông công. Các kẻ giữ đạo Đ. C. Giêsu ở khắp thế gian chia ra làm ba hội. Một là Hội-thánh thế gian, là các bổn đạo còn sống, hai là Hội-thánh luyện hình, là những linh hồn còn đang chịu giam cầm, ba là Hội-

thánh trên trời, là Thiên thần cùng các thánh nam nữ. Hội-thánh trên trời thì đã nghỉ an thanh nhàn ; Hội-thánh luyện hình còn đang chịu phạt tạm cho đủ phần đền vì tội nhẹ ; Hội-thánh thế gian, là Hội-thánh ở giữa chiến trường, ma quỉ, thịt mình, thế tục, hằng phải chịu khó luôn, vì Đ. C. Giêsu là đầu Hội-thánh đã chịu khó cho đến chết, cùng đã phán rằng : Hỡi người, phải vác thánh giá mình mà theo Tao. Bởi đó đạo Chúa hằng chịu bắt chịu cực luôn trong thế gian. Ấy là dấu chỉ đạo thật cùng Hội-thánh thật.

Ba Hội-thánh nầy hằng thông công cùng nhau luôn. Nghĩa là những lời cầu nguyện và những việc lành các bổn đạo làm, thì đặng nhờ chung cùng nhau trước mặt Chúa. Song kẻ có tội, thì chẳng đặng thông nhờ, vì kẻ có tội, dầu cũng là kẻ ở trong Hội-thánh, và cũng là con Chúa, song là con phản nghịch. Cho nên chẳng đặng ăn phần cùng các con thảo. Lại những việc lành kẻ có tội làm, thì chẳng đặng phần thưởng trước mặt Chúa, mà khi đã sạch tội thì mới đặng lại phần nhờ.

Sau nữa các bổn đạo chẳng những đặng thông công cùng nhau trong Hội-thánh dưới đất, mà lại đặng thông công cùng Hội-thánh

trên trời và Hội-thánh ở luyện hình, vì các bổn đạo kính các thánh Thiên thần cùng các thánh nam nữ trên trời và xin các thánh ấy cầu giúp cho mình, thì các thánh ấy cầu cùng Chúa cho các bổn đạo đặng nhờ. Và các bổn đạo dưng việc lành mình làm cho Chúa, mà xin cho các linh hồn luyện ngục, thì Chúa nhậm lời, mà giảm thứ. Lại nếu các bổn đạo xin các linh hồn ấy cầu cùng Chúa cho mình, thì các linh hồn ấy lại cầu cùng Chúa cho các bổn đạo và sau hằng nhớ kẻ giúp mình luôn trên thiên đàng.

Rày khuyên ai nấy còn ở thế gian, hãy hết lòng vưng lời chịu lụy Hội-thánh trong việc tin việc giữ cho nên, cho ngày sau đặng về quê thật, cùng các thánh trên trời, hằng nghỉ an vui mừng đời đời.

ĐIỀU THỨ MƯỜI



Kinh Tin kính rằng : *Tôi tin phép tha tội.*

Điều thứ mười nầy giảng Hội-thánh có phép tha tội cho linh hồn người ta. Phép tha tội, thì có hai : một là phép rửa tội, hai là phép giải tội, là hai phép trong bảy phép bí tích Đ. C. Giêsu lập, đã kể trong điều thứ chín. Trong kinh Tin kính chẳng nói chung rằng : tôi tin bảy phép bí tích, song nói rằng tôi tin phép tha tội. Vì phép tha tội cho linh hồn người ta, là phép thuộc về một Đ. C. Trời tha đặng mà thôi. Bởi đó kể riêng hai phép nầy làm một điều mà chỉ Hội-thánh có quờn cả Chúa ban tha tội người ta, hầu phải tìm vào Hội-thánh cho đặng nhờ phép tha tội, cho đặng về cùng Chúa.

Phép tha tội có hai : một là phép rửa tội, hai là phép giải tội.

Thứ nhứt phép rửa tội là phép Đ. C. Giêsu đã lập để tha tội tổ tông. Khi Đ. C. Giêsu sai các thánh tông đồ đi giảng đạo thì phán rằng : chúng con hãy đi giảng dạy các dân thiên hạ, cùng rửa tội cho người ta : nhơn danh Đ. C.

Cha, Đ. C. Con và Đ. C. Thánh Thần. Ấy là phép rửa tội Chúa đã lập. Mà rửa thì phải lấy nước mà rửa bề ngoài, vì nước chỉ sự làm cho sạch, và khi rửa, thì phải kêu tên Đ. C. Trời ba Ngôi, vì có một Đ. C. Trời ba Ngôi tha tội cho linh hồn người ta đặng mà thôi.

Song nước làm phép rửa tội, thì phải lấy nước lạnh là nước tự nhiên. Chẳng nên lấy nước nóng, nước cháo, nước canh, nước chè, nước mỡ, nước rượu, nước sữa, nước mủ cây, nước ép trái, ép lá, vân vân. Vì các nước ấy chẳng phải có tính nước tự nhiên, để mà rửa cho sạch. Lại kẻ làm phép rửa tội phải có ý làm theo như ý Hội-thánh dạy.

Vậy thì khuôn rập phép rửa tội là như vầy : tay xối nước lạnh trên đầu kẻ chịu phép rửa tội và miệng đọc theo ngọn nước rằng : « Tao rửa mầy nhơn danh Cha và Con và Thánh thần » ; mà tay xối miệng đọc thì cũng một người mà thôi.

Phép nầy là chính phép để tha tội tổ tông, song cũng tha tội mình làm nữa, vì kẻ chịu phép nầy khi đã khôn lớn, có tội mình làm thì phép nầy tha khỏi tội tổ-tông và tội mình làm một lược, song kẻ chịu phép rửa tội phải ăn năn tội mình.

Phép rửa tội thì mỗi người chịu đặng một lần mà thôi, vì tội tổ tông có một tội, cho nên chịu một lần thì đủ.

Phép nầy coi qua thì đơn sơ, vắn vỏi, mà nghĩ lại thì thật là phép trọng cùng là phép tiện để cho người ta đặng rỗi. Đơn sơ vắn vỏi là khi làm phép nầy, thì lấy một món nước lạnh mà rửa cùng đọc ít lời vắn tắt, mà nghĩ lại thì thật là phép trọng, vì lời đọc ấy là kêu tên Đ. C. T. ba Ngôi là Chúa trời đất cực trọng. Lại phép nầy tiện để cho đặng rỗi, vì có nhiều khi phải chịu phép nầy cho mau cho gấp ; nên có ít lễ phép như vậy, thì mới dễ cứu nhiều linh hồn cho đặng rỗi.

Lại dầu mà Chúa ban phép cho một mình kẻ có chức trong Hội-thánh đặng làm phép nầy mà thôi, song khi thế bất cập, thì cho mọi người đặng làm phép nầy, dầu người nam nữ đạo ngoại, miễn là có ý làm theo ý Hội-thánh, và giữ khuôn rập nên, thì cũng làm nên phép nầy thẩy thảy. Há chẳng phải việc tiện cho linh hồn đặng rỗi sao ?

Ấy là phép rửa tội bằng nước, Đ. C. Giê-su đã lập, song cũng có phép rửa tội bằng máu nữa. Mà phép rửa tội bằng máu thì dầu kẻ ngoại, kẻ có đạo cũng chịu đặng hết. Kẻ ngoại

BIBLIOTHÈQUE ... I.F. IMPRIMÉS

chịu phép nầy, là khi ai có lòng tin kính Đ. C. Trời như kẻ có đạo, mà chưa kịp chịu phép rửa tội bằng nước, song bị kẻ dữ ghét mà giết, thì kẻ đã chịu đổ máu làm vậy, đã được rửa sạch các tội cùng đặng vào thiên đàng.

Lại kẻ có đạo dầu có tội trọng trong mình mà chịu chết vì đạo, thì cũng được lên thiên đàng nữa. Đ. C. Giêsu phán rằng : kẻ nào liều sự sống vì Tao, thì đặng sống đời đời.

Thứ hai phép giải tội là phép bí tích Đ. C. Giêsu đã lập để tha tội cho kẻ ăn năn. Khi Đ. C. Giêsu gần ngự về trời, thì lập phép nầy mà phán cùng các thánh tông đồ rằng : chúng con tha tội cho ai, thì nấy đặng khỏi, mà chúng con cầm tội ai, thì nấy còn mắc. Phép nầy thì các giám mục, các thầy cả đặng làm mà thôi, vì giám mục, thầy cả là kẻ nối quờn các thánh tông đồ, mà Đ. C. Giêsu đã phán ban quờn phép giải tội cho các thánh tông đồ rằng : Sự gì chúng con buộc dưới đất, thì sự ấy cũng buộc trên trời, sự gì chúng con mở dưới đất, thì sự ấy cũng mở trên trời.

Vã lại phép giải tội là phép buộc mở, cho nên các giám mục, các thầy cả phải do lịnh Hội-thánh, là Đức Giáo-tông sai thì mới làm nên phép nầy. Vì Đ. C. Giêsu đã phán cùng

ông thánh Phêrô là Giáo-tông đầu hết rằng : Tao giao chìa khoá cửa thiên đàng cho mầy. Vậy thì đâu buộc mở, thì cũng phải có chìa khoá, mới buộc mở đặng.

Hoặc ai hỏi rằng : Chúa lập một phép rửa tội để mà tha tội cho người ta chẳng đặng sao ? mà còn lập phép giải tội làm chi nữa ? Ta nói rằng : phép rửa tội là phép tha tội tổ tông, mà ta chịu phép rửa tội, thì chẳng phải xưng tội tổ tông cùng chẳng phải ăn năn tội ấy, vì chẳng phải tội ta phạm, song là tội ta mắc án, cho nên phải chịu phép rửa tội cho sạch án tội mà thôi. Còn phép giải tội là phép để tha tội mình làm, mà kẻ chịu phép giải tội thì phải ăn năn tội cùng dốc lòng chừa tội, và phải xưng tội cho hết, lại phải có kẻ nghe tội mà xét đoán việc tha bắt. Vì khi Đ. C. Giêsu lập phép nầy, thì nói việc buộc mở, nghĩa là kẻ đặng tha, thì phải cho khỏi tội, mà kẻ chẳng đặng, thì buộc cầm, nghĩa là chẳng nên làm phép giải tội. Giả như : kẻ miệng xưng, mà lòng không hối cải ; kẻ xưng các tội mà giấu một tội trọng, thì giải sao cho khỏi ? Vì lòng còn cố ý nghịch cùng Chúa, thì Chúa tha sao đặng ? Kẻ gian dâm, mà không chịu thôi, thì phép giải tội cứu sao cho khỏi tội ? Bởi đó

chịu phép giải tội cho nên, thì phải đau đớn ăn năn tội thật, phải dốc lòng chừa tội thật, và chừa bỏ các dịp phạm tội, phải xưng cho hết các tội, chẳng nên giấu tội trọng nào, cùng làm việc đền tội. Cho nên phép giải tội và phép rửa tội khác nhau.

Sau nữa cũng có cách tha tội khác, mà cách ấy cũng phải có lòng ước ao chịu phép giải tội, là khi kẻ chẳng có thế xưng tội đặng, mà ăn năn tội cách trọn cho nên, nghĩa là đau đớn ghét tội mình hết lòng vì đã phạm đến Chúa cao trọng, tốt lành vô cùng, thì kẻ ấy đặng khỏi tội. Mà sau khi có thế xưng tội đặng, thì phải xưng.

Ấy là hai phép tha tội Đ. C. Giêsu đã lập trong Hội-thánh để mà tha tội cho người ta. Một là phép bí tích rửa tội, mỗi người đặng chịu một lần cho khỏi tội tổ tông. Hai là phép bí tích giải tội để tha tội mình làm, mỗi người đặng chịu luôn cả đời. Ai tin cùng chịu ha phép ấy, thì đặng rỗi. Ai chẳng tin, cùng chẳng chịu, thì phải mất phần phước đời đời.

ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT

Kinh Tin kính rằng : *Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại.*

Ngày sau là ngày tận thế. Điều nầy dạy phải tin xác loài người ta đến ngày tận thế đều sống lại hết. Mà xác sống lại một mình, chẳng có linh hồn hiệp một cùng xác thì xác sống lại chẳng đặng. Bởi đó điều thứ mười một nầy dạy phải tin mỗi người có một linh hồn. Linh hồn là giống thiêng liêng biết luận lý. Nghĩa là biết lành biết dữ, biết xấu, biết tốt, biết sợ : đủ các sự biết trong xác. Linh hồn ở trong xác, thì xác sống cùng biết trở làm các việc, thành một người ở thế gian, vì linh hồn làm chủ xác, cùng sai khiến xác phải theo. Mà linh hồn ra khỏi xác, thì xác chết, chẳng còn biết đều gì nữa, và lần lần xác trở ra đất, vì thuở tạo thành Đ. C. Trời đã lấy đất mà dựng nên xác người ta.

Mỗi người có một linh hồn mà thôi, vì linh hồn là chủ xác. Mà mỗi người có một xác, thì phải có một linh hồn làm chủ. Nếu một xác có hai linh hồn, thì xác có hai chủ, ắt là

phải có hai lịnh nghịch chống nhau trong một xác, thì xác phải hư.

Vã lại thuở đầu Chúa đã dựng nên loài người ta cùng cho đặng sống luôn khỏi chết. Mà bỡi loài người ta đã phạm lịnh Chúa nên đã mắc tội thì Chúa phạt xác phải chết vì tội. Mà mỗi người đều mắc tội ấy thảy thảy. Cho nên sự chết là luật chung, mỗi người phải chết vì tội.

Khi linh hồn ra khỏi xác, thì linh hồn ở thiên đàng hay là ở hoả ngục, mặc theo linh hồn lành hay là dữ, mà xác thì phải trở về đất. Tuy bây giờ xác phải chết vì tội, song đến ngày tận thế các linh hồn phải hiệp về cùng xác cũ mình mà sống lại chịu phán xét. Dầu những xác đã tiêu tan, cũng đều phải sống lại. Chúa đã lấy đất làm ra xác thịt, xác có ra đất, thì Chúa đem đất trở lại nên xác mà sống lại, chẳng khó gì ; vì Chúa phép tắc vô cùng, làm đặng mọi sự. Vậy thì linh hồn cũ và xác cũ phải sống lại, mà chịu phán xét theo công lý, vì cả hai đã đồng làm phước hay là đồng làm tội, thì cả hai phải sống lại mà chịu thưởng hay là chịu phạt.

Xác người ta sống lại thì lẹ làng thông suốt các nơi, chẳng khác như loài thiêng liêng.

Xác người ta sống lại thì chẳng còn ăn uống nữa, vì sống lại mà qua ở đời khác, thì cổi bỏ tính xác ở đời nầy là tánh ăn uống. Xác kẻ lành sống lại, thì sáng láng, thì tốt lành, vinh hiển, xác kẻ dữ sống lại thì tối tăm, hôi thúi xấu xa.

Xác người ta thật là giống trọng vì là hình ảnh Đ. C. Giêsu và có linh hồn thiêng liêng, mỉa mai giống tính thiêng liêng Chúa. Cho nên các loài khác đều kiêng sợ hình xác người ta, và loài người ta cũng đều kiêng trượng xác mình, chẳng nỡ uổng phá. Dầu xác đã chôn xuống đất, thì cũng chẳng dám chạm động tới nơi xác nằm, vì là giống trọng, cùng sẽ sống lại nên người như trước.

Trong loài người ta ai nấy đều muốn cho thân xác mĩ miều tốt đẹp, chẳng ai muốn xác bủng beo, u trệ, xấu xa, khuyên ai nấy giữ xác mình cho xứng đáng, khỏi vương nhúng trong tội lỗi xấu xa, hầu đến ngày sống lại đặng sáng láng tốt lành, hiệp cùng những người lành sống lại, mà vui mừng trước mặt thiên hạ.



ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI



Kinh Tin kính rằng : *Tôi tin hằng sống vậy.*

Điều thứ mười hai nầy giảng sự sống luôn trong đời vô cùng, nghĩa là sau tận thế khi loài người đã sống lại chịu phán xét chung, thì mỗi người đều sống lại luôn trong đời khác. Mà đời khác ấy, thì có hai nơi, một là thiên đàng, hai là hoả ngục. Người ở thiên đàng sau phán xét chung, thì hằng sống luôn và linh hồn và xác, chẳng hề chết nữa. Kẻ ở hoả ngục, thì cũng hằng sống luôn chẳng hề chết đặng. Bởi đó điều thứ mười hai nầy dạy phải tin có đời khác, là thiên đàng và hoả ngục.

Nói về thiên đàng — Thiên đàng là chốn gồm đủ các phước thật, được hưởng tợ mặt, chẳng còn trông nữa. Đ. C. Trời đã dựng nên để mà tỏ ra sự sang trọng vinh hiển Người, và để cho các thánh Thiên thần, các thánh nam nữ hưởng vui đời đời. Mà sự sang trọng, vui vẻ, ngon ngọt, sung sướng, phước lạc trí người ta suy ước và mọi đều quá khỏi trí người ta nghĩ tưởng đều gồm có một lược.

Thiên đàng là chốn Chúa phép tắc vô

cùng đã làm cho nên chốn phước lạc vô cùng, miệng lưỡi người ta kể sao cho nồi? Xưa Chúa cho ông thánh Phaolồ lên thiên đàng một lần mà người trở về, thì nói rằng : những phước Đ. C. Trời đã sắm để cho kẻ có lòng kính mến Người, con mắt người ta chưa hề thấy, lỗ tai chưa hề nghe, lòng chưa hề nếm bao giờ.

Phước thế gian là phước chắp vá, chẳng hưởng đặng các phước một lược, mà còn lấy làm phước thay, phương chi phước thiên đàng gồm hưởng một lược, thì chẳng phải là phước trọn sao?

Phước thế gian là phước tạm một đỗi, mà còn ưng muốn thay, phương chi phước thiên đàng là bền có đời đời, thì chẳng phải là phước thật sao?

Phước đời nầy là phước hay nhàm, hay no, mà còn ham kiếm thay, phương chi phước hằng vui, hằng sướng, thì chẳng phải là phước vô lượng vô biên sao?

Phước thiên đàng hưởng ngàn ngày, thì cũng như mới gặp, mới hưởng, vì là phước chẳng hay nhàm chẳng hay mỏi.

Đến ngày sống lại chịu phán xét chung đoạn, thì kẻ lành khỏi hoàn và xác và linh

hồn theo Đ. C. Giêsu vào thiên đàng hằng sống hằng vui đời đời.

Bây giờ phải xuống hoả ngục một chặp cho biết lành dữ. Hoả ngục là nơi chứa đầy các sự dữ, là biển lửa hằng cháy phừng phừng, linh hồn phải thiêu đốt tư bề.

Những kẻ ở trong ấy, thì lửa cháy tới trái tim, nóng tới cả trí khôn, ngọn lửa chun vào con mắt, xói vào lỗ tai, thâu vào lỗ miệng, trong ngoài thông cháy điến nhức, rát đau cực kỳ. Kìa lửa thế gian là lửa giúp sự sống người ta ở đời nầy, là hình bóng lửa hành sự sống kẻ ở đời sau, mà đề tay vào một chặp, còn chịu chẳng đặng, phương chi lửa hoả ngục, là chính lửa hình phạt đã sẳm, là lửa dầu, lửa sinh, lửa điêm, cả lớn, cả mạnh, cả độc, cả sức làm cho kẻ có tội nóng nảy, khát khao. Xưa người giàu có kia ở hoả ngục, ngửa mặt lên, thấy ông thánh Ladarô, là người ăn mày, nằm nơi ngõ mình khi trước, mà mình đã chẳng sá kể, rày ngồi trên thiên đàng vui mát, thì kêu xin ông thánh ấy thấm ngón tay vào nước mà nhỏ xuống lưỡi mình một chút, kẻo khát lắm, song xin như vậy là thèm túng mà thôi, vì một chút nước mà làm chi.

Hoả ngục là vực thẳm sâu, chứa đầy các sự dơ dáy, thúi tha, tanh hôi, những hồ mang, xà độc, hằng quấn quít, cắn mổ ghê nhức. Muôn vàn quỉ dữ hằng gầm hét, tung phá cùng dằn vật,đánh khảo những kẻ ở chung đó. Mỗi người ở đó hằng ghét nhau, hằng trù ẻo, nhiếc mắng nhau, mà mỗi người đều khóc lóc nghiến răng, trồi phách nhào lộn luôn luôn. Phải chi chết đặng, thì chết cho rồi, cùng tiêu mất linh hồn và xác cho hết, thì cũng là phước lắm.

Nhưng mà đời ấy là đời hằng sống vậy, vì khi loài người ta đã sống lại, chịu phán xét đoạn, thì kẻ có tội phải xuống hỏa ngục và xác và linh hồn, cùng phải sống luôn chẳng hề chết đặng.

Chúa là đấng hằng sống, thì thiên đàng có luôn, mà Chúa là đấng vô cùng, thì hoả ngục hằng có đời đời.

Thiên đàng là chốn cực thánh, chẳng chút gì bợn nhơ vào đặng, mà hoả ngục là nơi phải khốn cực luôn, chẳng chút nào là chút nghỉ.

Ở thiên đàng ngàn năm, thì cũng như mới ở, vì phước thiên đàng hằng tươi mới, chẳng nhàm. Ở hoả ngục một nháy mắt, thì cũng như

đã ở ngàn năm, vì vào đó, thì mất lòng trông ra khỏi.

Thiên đàng hoả ngục hai nơi, chẳng phải là sự tình cờ chẳng hay trước, vì Chúa đã tỏ ra cùng dạy có thiên đàng hoả ngục, và đã ban ơn lập thế cho mọi người thoát khỏi hoả ngục cùng vượt tới thiên đàng.

Đàng lên thiên đàng là đàng chật hẹp, khó đi, đàng xuống hoả ngục là đàng rộng rãi thong thả, dễ chạy. Ai đành lòng xuống hoả ngục, thì hay theo phước hèn đời tạm nầy. Ai muốn lên thiên đàng, thì đành ở hoả ngục nhỏ nhỏ thế gian trước đã, nghĩa là ép mình sửa tính, ăn ở theo phép Chúa dạy.

Lạy Chúa, xin Chúa hãy cắt xé, hãy nung nướng tôi ở đời nầy, miễn là Chúa tha cho tôi đời sau. Tôi biết thật các sự khốn khó đời nầy, chẳng xứng sự vang hiển Chúa sẽ tỏ ra cho chúng tôi trên thiên đàng. Tôi đóng đinh xác thịt, tình tư dục vào thánh giá cùng Chúa, cho ngày sau khi sống lại đặng theo Chúa về thiên đàng, hằng sống hằng vui cùng Chúa đời đời.

Sau hết kinh Tin kính có lời rằng: *Amen*. Tiếng Amen, nghĩa là ước xin cho đặng như các đều đã cầu xưng trước. Bởi đó khi đọc

kinh Tin kính mà làm việc đức tin, thì phải lấy lòng tôn kính mà đọc cùng xin Chúa ba Ngôi xuống ơn giúp sức cho đặng lòng tin vững vàng các đều đã truyền dạy trong kinh ấy, hầu đặng nhờ phần phước Chúa sẽ ban cho các kẻ tin ở nơi thanh nhàn vui vẻ đời đời.



Imprimerie de Quinhon 35-8

NHÀ-IN QUINHON CÓ BÁN

Cứu thế ngôn hành	*broché*	0$30	- *tr.* 0$41
Sấm truyền cũ	-	0.35	- 0.46
Thánh tích đạo cũ, mới	-	0.12	- 0.17
Giảng lễ Hội-thánh (3 cuốn)	-	0.40	- 0.54
Thánh giáo yếu-lý	-	0.06	- 0.09
Gẫm quanh năm (Đ. Cha Cần)	-	1.00	- 1.20
Giáo hội chức sở tu thân	-	0.05	- 0.08
Tháng Trái-tim	-	0.20	- 0.28
Tu thân minh cảnh	-	0.80	- 0.94
Viện tu trinh nữ	-	0.80	- 0.94
Bảy mối tội đầu	-	0.30	- 0.38
Thang trời	-	0.20	- 0.28
Gương phước	-	0.50	- 0.58
Đạc đức chơn qui	-	0.30	- 0.36
Giảng về Thiên-thần	-	0.30	- 0.38
Tháng Đức Bà	-	0.40	- 0.51
Tự tích Đức Mẹ La-vang	-	0.12	- 0.15
Gẫm quan năm (Avancini)	-	1.80	- 2.00
Tỉnh thân thường nhựt	-	0.40	- 0.51
Sách dẫn đàng mến Chúa	-	0.60	- 0.70
Đàng tiểu lộ	-	0.40	- 0.50
Thánh giáo yếu lý diễn ca	-	0.25	- 0.30
Tiểu sử thánh nữ kim thời	-	0.10	- 0.13
Hạnh ông thánh Phao-lồ	-	0.40	- 0.45
Hạnh An-rê Năm Thuông	-	0.10	- 0.13

Còn nhiều sách khác, xin hỏi Catalogue.